

Bản án số: 49/2024/HS-ST  
Ngày 25 tháng 7 năm 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hà Giang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Điền;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết L - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 153/QĐXXST-HS ngày 10/7/2024 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: BÙI ĐỨC L3; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không**

**Sinh ngày 15 tháng 9 năm 1975; tại huyện A, tỉnh Hưng Yên;**

**Nơi thường trú: Tổ F, phường H, quận L, TP Đà Nẵng.**

**Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Căn D, T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.**

**Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12, học vấn: Đại học.**

**Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đ6. Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 72-QĐ/UBKTQU ngày 14/6/2024 của Ủy ban kiểm tra quận ủy T26, thành phố Đà Nẵng.**

**Nghề nghiệp: Chủ tịch Tập đoàn V7, thành viên Hội đồng quản trị Công ty T27;**

**Con ông: Bùi Xuân B- sinh năm 1938 (đã chết); Con bà: Đỗ Thị L1 - Sinh năm 1939; Hiện trú tại tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.**

Vợ: **Nguyễn Kiều A**- Sinh năm 1982; Nghề nghiệp: Chủ tịch HĐQT Trường Vschool.

Hiện ở **Căn D, T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng**.

Con: có 03 con. Con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/8/2023 đến ngày 18/8/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

**2. Họ và tên: ĐÀO THÁI H9**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 04 tháng 8 năm 1983 tại: Hà Nội.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: **B, ngõ F, phường P, quận Đ, TP Hà Nội**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa :12/12, học vấn: Đại học.

Đoàn thể, đảng phái: không.

Nghề nghiệp: Tổng Giám đốc **Công ty TNHH T27**.

Con ông: **Đào Xuân T**: Đã chết; Con bà: **Nguyễn Thị M**, Sinh năm: 1957.

Hiện ở **phường P, quận Đ, TP Hà Nội**.

Vợ: **Vũ Thị Thu H**, Sinh năm 1984.

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016.

Hiện vợ, con ở tại **phường P, quận Đ, TP Hà Nội**.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú . Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

**3. Họ tên: HÀ KHÁNH Đ5**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 19 tháng 05 năm 1982 tại: **huyện L, tỉnh Hòa Bình**.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: 702, CT8C, **Khu đô thị M, phường Y, quận H, TP Hà Nội**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa :12/12, học vấn: Đại học.

Nghề nghiệp: Kế toán trưởng **Công ty TNHH T27**.

Đoàn thể, đảng phái: không.

Con ông: **Hà Quang S**, Sinh năm: 1955; Con bà: **Phạm Thị L2**, Sinh năm: 1958. Hiện Bố, mẹ ở **Đ, huyện L, tỉnh Hòa bình**.

Chồng: **Nguyễn Văn D**, Sinh năm: 1980.

Con: có 02 con, lớn sinh năm 2010; con nhỏ sinh năm 2015.

Hiện chồng, con ở **phường Y, quận H, TP Hà Nội**.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

**4. Họ tên: TRẦN THỊ H12**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 06 tháng 01 năm 1982 tại: **huyện T, tỉnh Thái Bình**.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Phòng 1010 Tòa A, **Số D, N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12, học vấn: Đại học.

Nghề nghiệp: Nguyên kế toán trưởng **Công ty T27**.

Đoàn thể, đảng phái: không.

Con ông: **Trần Minh T1**, Sinh năm: 1953; Con bà: **Trần Thị P**, Sinh năm 1958. Hiện Bố, mẹ ở tại **A, huyện T, tỉnh Thái Bình**.

Chồng: **Nguyễn Tài T2**, Sinh năm: 1977.

Con: có 03 con, con lớn sinh năm 2007; con nhỏ sinh năm 2017. Hiện chồng, con ở Phòng 1010 Tòa A, **Số D, N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội**.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

**5. Họ tên: TRẦN THU H13**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 07 tháng 01 năm 1985, tại: **quận B, TP Hà Nội**.

Nơi thường trú: **Số C, nhà D, Tập thể H, phường B, quận H, thành phố Hà Nội**.

Chỗ ở hiện nay: Phòng 406, **K, Tập thể B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Học vấn: Đại học.

Nghề nghiệp: Nguyên nhân viên phòng kế toán Công ty T27.

Đoàn thể, đảng phái: Không.

Con ông: Trần Quang T3, Sinh năm: 1952; Con bà: Nguyễn Thị T4, Sinh năm: 1958.

Hiện Bố, mẹ ở tại Phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Chồng: Trần Văn Đ, Sinh năm 1983.

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013; con nhỏ sinh năm 2014.

Hiện chồng, con ở tại phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

**6. Họ tên: ĐẶNG VĂN D5; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.**

Sinh ngày 09 tháng 5 năm 1970, tại: Huyện G, TP Hà Nội.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: D, đường C, phường A, quận A, TP Hồ Chí Minh.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Học vấn: Thạc sĩ.

Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty D6 khu vực 8.

Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đ6. Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 4976-QĐ/ĐUTCT ngày 25/6/2024 của Đảng ủy tổng công ty V8.

Con ông: Đặng Văn T5, Sinh năm: 1932 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Xuân H1, Sinh năm: 1939 (đã chết);

Vợ: Đặng Thị Hải Y, Sinh năm 1974.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008.

Hiện Vợ, con ở tại: D, đường C, phường A, quận A, TP Hồ Chí Minh.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

**7. Họ tên: TRẦN THANH P3; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.**

Sinh ngày 14 tháng 5 năm 1977, tại: quận B, TP ..

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: 1 N, phường B, quận B, TP Hồ Chí Minh.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Học vấn: Thạc sĩ.

Nghề nghiệp: Giám đốc Mobifone tỉnh B.

Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đ6. Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 4978-QĐ/ĐUTCT ngày 25/6/2024 của Đảng ủy tổng công ty V8.

Con ông: Trần Văn T6, Sinh năm 1948; Con bà: Nguyễn Tuyết T7, Sinh năm: 1949.

Hiện bố, mẹ ở tại phường B, quận B, TP Hồ Chí Minh.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

**8.** Họ tên: **NGUYỄN THỊ MINH L6**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 28 tháng 02 năm 1994, tại: Huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi thường trú: 91/14, khu phố D, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện tại: Số B, lô G, Khu dân cư M, phường C, quận B, TP Hồ Chí Minh.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Học vấn: Cao đẳng.

Nghề nghiệp: Nguyên nhân viên Phòng Khách hàng cá nhân - Công ty D6 khu vực 8.

Đoàn thể, đảng phái: không.

Con ông: Nguyễn Đ1, Sinh năm: 1955; Con bà: Nguyễn Thị Ú, Sinh năm: 1958.

Hiện bố, mẹ ở tại P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Chồng, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

**9.** Họ tên: **PHAN TẤN N3**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 17 tháng 10 năm 1977 tại: huyện B, tỉnh Bến Tre.

Nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở hiện tại: B21, đường A, KDC miền nam, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Học vấn: Đại học;

Nghề nghiệp: Giám đốc Mobifone khu vực 9.

Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên, Bí thư Đảng ủy thuộc Đảng bộ công ty M4 9. Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 4977-QĐ/ĐUTCT ngày 25/6/2024 của Đảng ủy tổng công ty V8.

Con ông: Phan Văn Q, Sinh năm 1943 (đã chết); Con bà: Lê Thị T8, Sinh năm: 1949; Hiện cư trú tại huyện B, tỉnh Bến Tre.

Vợ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1978.

Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2005; nhỏ sinh năm 2016.

Hiện vợ, con ở tại KDC miền nam, p. H, quận C, TP Cần Thơ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Nguyễn Hoài N - Luật sư, văn phòng L7 thuộc đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Số A B, phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bà Lưu Thị Kiều Mỹ D1 - Luật sư, văn phòng Luật sư Lưu D1 và C, thuộc đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Tầng C Tòa nhà I, số A V, phường F, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa ngày 24/7, vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/7).

**10. Họ tên: TRẦN THỊ HỒNG V3; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không.**

Sinh ngày 03 tháng 10 năm 1985 tại: huyện B, tỉnh Bến Tre.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: 43, đường B, KDC I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Học vấn: Thạc sỹ.

Nghề nghiệp: Phó Giám đốc chi nhánh M.

Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên **Đ6**. Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 4979-QĐ/ĐUTCT ngày 25/6/2024 của Đảng ủy **tổng công ty V8**.

Con ông: **Trần Văn H3**, Sinh năm 1960; Con bà: **Trương Lệ H4**, Sinh năm: 1967.

Hiện bố, mẹ ở tại **Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre**.

Chồng: **Trần Minh D2**, sinh năm 1986.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016.

Hiện chồng, con ở tại **số D, đường B, KDC I, P.A, N, Cần Thơ**.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Ngô Thị Hoàng A1** - Luật sư, **công ty L8** thuộc **đoàn luật sư thành phố H**.

Địa chỉ: **Số I N, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh M** (Có mặt tại phiên tòa ngày 24/7, vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/7).

**11.** Họ tên: **NGUYỄN HỒNG L4**; Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 30 tháng 5 năm 1989 tại: **Phường B, Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: **Số B, đường H, C, p . H, Q . C, Tp. Cần Thơ**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Học vấn: Đại học.

Nghề nghiệp: Nhân viên phòng KHCN **Công ty D6** khu vực 9.

Đoàn thể, đảng phái: Không.

Con ông: **Nguyễn Văn P1** , Sinh năm 1957; Con bà: **Trần Mỹ Y1**, sinh năm: 1965.

Hiện bố, mẹ ở tại **Phường B, Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**.

Chồng: **Mai Tấn P2**, sinh năm 1981.

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2023.

Hiện chồng, con ở tại **Số B, đường H, C, p . H, Q . C, Tp. Cần Thơ**.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Ngô Thị Hoàng A1** - Luật sư, **công ty L8** thuộc **đoàn luật sư thành phố H.**

Địa chỉ: **Số I N, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh M** (Có mặt tại phiên tòa ngày 24/7, vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/7).

**12. Họ tên: TRẦN NGUYỄN QUỲNH C2;** Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 05 tháng 01 năm 1989 tại **thành phố N, tỉnh Hậu Giang.**

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: **5 L, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.**

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Học vấn: Đại học; Nghề nghiệp: kinh doanh.

Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên **Đ6.** Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 120-QĐ/UBKTQU ngày 18/6/2024 của **Ủy ban kiểm tra quận ủy B1, thành phố Cần Thơ.**

Con ông: **Trần Văn D3,** Sinh năm 1959; Con bà: **Nguyễn Thị T9,** Sinh năm: 1960. Hiện Bố, mẹ ở tại **N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.**

Chồng: **Trần Huỳnh C,** sinh năm 1982.

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018;

Hiện chồng, con ở tại **5 L, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.**

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Lưu Ngọc N1** và Ông **Trịnh Xuân T10** – đều là Luật sư **Công ty L9** thuộc **đoàn luật sư thành phố H.**

Đều có địa chỉ: **Số G A (tầng trệt) N, phường D, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.** (Có mặt tại phiên tòa).

**13. Họ tên: TRẦN MINH T16;** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 13 tháng 08 năm 1975 tại tỉnh Kiên Giang.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: **135 T, C, quận N, TP Cần Thơ.**

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Học vấn: Đại học.

Nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty TNHH H25.**

Đoàn thể, đảng phái: không.

Con ông: **Trần Quốc H5**, sinh năm 1947; Con bà: **Lê Thị Thanh V**, sinh năm 1952.

Hiện bố, mẹ ở tại **C, quận N, TP Cần Thơ**.

Vợ: **Phan Thị Phương T11**, sinh năm 1977.

Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008.

Hiện vợ, con ở tại: **A T, C, quận N, TP Cần Thơ**.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**14. Họ tên: LÊ QUỐC HƯNG**; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1986 tại **huyện N, tỉnh Nam Định**.

Nơi thường trú: **Thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định**.

Nơi ở hiện tại: **Số H, ngõ A, T, C, B, Hà Nội**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Học vấn: Đại học.

Nghề nghiệp: nguyên kế toán trưởng **Công ty CP V9**;

Đoàn thể, đảng phái: Không.

Con ông: **Lê Xuân Đ2**, sinh năm 1950 (đã chết); Con bà: **Tô Thị Á**, sinh năm 1955, hiện ở tại **N - huyện N, tỉnh Nam Định**.

Vợ: **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1986.

Con: có 01 con sinh năm 2023.

Hiện vợ, con ở tại **Số H, ngõ A, T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội**.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. **Trần Đức T12**, sinh năm 1989.

Nơi ĐKNKT và chỗ ở hiện nay: **Số B P, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Trần Thị T13**, sinh năm 1973.

Nơi ĐKNKT: Số A, đường B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Phòng 1901, nhà S2, Tòa nhà G, số C Hồ T, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. M1 (Có mặt tại phiên tòa ngày 24/7, vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/7).

3. Bảo Ý D4, sinh năm 1994;

Nơi ĐKNKT và chỗ ở hiện nay: 424/29 Khu D, xã P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người tham gia tố tụng khác:**

1. Tổng công ty V8

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Mạnh C1 – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Quang H6 - Phó trưởng ban phụ trách Ban pháp chế. (Có mặt tại phiên tòa).

+ Ông Đỗ Tuấn V1 – Chuyên viên Ban pháp chế. (Có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của các Bị cáo:

Công ty cổ phần T27 (sau đây viết tắt là Công ty T27) được thành lập năm 2020 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/10/2020 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp, sau nhiều lần thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Lê Xuân V2, đến ngày 19/4/2023 Công ty T27 thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bùi Quang H7. Công ty T27 hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực nhưng chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, cầm đồ...do Bùi Đức L3 - sinh năm 1975, thành viên Hội đồng quản trị thành lập (L3 là người chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Công ty T27). Thời điểm mới thành lập Công ty T27 là doanh nghiệp cho vay tài chính, doanh thu thấp, năm 2021 chỉ đạt 33,4 tỉ đồng. Khoảng cuối năm 2021, Bùi Đức L3 muốn nâng doanh số kinh doanh của Công ty T27 để lập hồ sơ vay vốn ngân hàng, quảng bá hệ thống T99 và đủ điều kiện lập hồ sơ IPO (phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng) nhằm mục đích huy động vốn từ các nhà đầu tư. Thông qua mối quan hệ quen biết với Trần Đức T12, sinh năm 1989, nơi cư trú: số B P, phường B, quận T, TP. là Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần A4 (sau đây gọi là Công ty V9), cũng là một trong các đại lý của M2. Bùi Đức L3 nhờ T12 giới thiệu, kết nối với các nhà mạng viễn thông lớn để tham gia là đại lý thẻ cào, nhằm nâng doanh số kinh doanh cho Công ty T27. Do

trước đó T12 có biết Công ty D6 khu vực 8 (sau đây viết tắt là MBF8) và Công ty D6 (sau đây viết tắt là MBF9) đang cần một đơn vị có khả năng về tài chính để xử lý đơn hàng cuối năm do Tổng công ty G. Trần Đức T12 đồng ý và giới thiệu cho Bùi Đức L3 liên hệ với MBF8 và MBF9 và giao cho Lê Quốc H8- sinh năm 1986 - Kế toán Công ty V9 làm đầu mối hỗ trợ giúp Công ty T27 kết nối làm việc với MBF8, MBF9.

Khoảng cuối tháng 11/2021, thông qua Trần Đức T12, Bùi Đức L3 gặp Đặng Văn D5 - Giám đốc MBF 8 để đặt vấn đề hợp tác giữa Công ty T27 và MBF 8. Vào thời điểm đó, MBF 8 được Tổng công ty V8 giao doanh số khoảng hơn 640 tỷ đồng để thanh toán cho các đơn hàng trừ thẻ cào nhằm đảm bảo kế hoạch kinh doanh do Tổng Công ty M4 giao cho MBF 8. Do đó, L3 và D5 đã bàn bạc, thỏa thuận và thống nhất về việc: Công ty T27 sẽ “**ứng tiền**” cho MBF 8, không tính chi phí lãi vay, đổi lại MBF 8 có trách nhiệm bán thẻ, hoàn trả vốn cho Công ty T27 và xuất hóa đơn GTGT “khống” (không có hàng hóa kèm theo) cho Công ty T27. Để hợp thức việc này, Công ty T27 và MBF 8 sẽ ký kết hợp đồng để Công ty T27 làm đại lý phân phối thẻ cào cho MBF 8. Đặng Văn D5 đã giao cho Trần Thanh P3, sinh năm 1977- Phó phòng khách hàng cá nhân (sau đây viết tắt là KHCN) của MBF 8 làm đầu mối trao đổi, làm việc với Công ty T27.

Tháng 12/2021, MBF 9 đang cần gấp số tiền 125.000.000.000 đồng (*một trăm hai mươi lăm tỷ*) để hoàn thành chỉ tiêu doanh thu bán thẻ cào cuối năm 2021, do các đại lý của MBF 9 là Công ty TNHH T28 (sau đây viết tắt là Công ty T28), Công ty TNHH T28 (sau đây viết tắt là Công ty T28) và Công ty TNHH H25 (sau đây viết tắt là Công ty H25) không có tiền mua đủ hàng trữ theo chỉ tiêu Tổng Công ty V8 giao cho MBF 9. Phan Tấn N3, sinh năm 1977 - Giám đốc MBF 9 đã liên hệ với Trần Đức T12 (với vai trò là Phó chủ tịch Tập đoàn A5), đề nghị Công ty V9 (thời điểm đó đang có hợp đồng đại lý mua thẻ cào với MBF 9) hỗ trợ mua lượng thẻ cào trị giá khoảng 125.000.000.000 đồng của MBF 9 nhưng T12 từ chối, do Công ty V9 không có đủ tiền, tuy nhiên T12 vẫn nhận lời tìm đối tác khác cho MBF 9 và thỏa thuận nếu có đối tác ứng tiền mua hàng, MBF 9 phải chịu chi phí lãi suất 5,5%. Sau đó Trần Đức T12 đã giới thiệu Bùi Đức L3 với Phan Tấn N3. N3 đã đồng ý hợp tác và giao cho Trần Thị Hồng V3, sinh năm 1985- Phó phòng khách hàng cá nhân của MBF 9 làm đầu mối trao đổi, làm việc với Công ty V9 và Công ty T27.

Sau khi thống nhất nội dung hợp tác với MBF 8 và MBF 9, Bùi Đức L3 đã giao cho Đào Thái H9, sinh năm 1983 (*thời điểm đó đang là Giám đốc tài chính Công ty CP V7*) là đầu mối phối hợp với Lê Quốc H8 - Công ty V9 làm việc với MBF

8 và MBF 9.

Đối với MBF 8, **Bùi Đức L3** chỉ đạo **Đào Thái H9** thông qua **Lê Quốc H8** trao đổi, thống nhất với **Trần Thanh P3** để MBF 8 và **Công ty T27** ký hợp đồng để **Công ty T27** làm đại lý phân phối thẻ cào của MBF8 và thực hiện quy trình thanh toán, xuất hóa đơn GTGT cho **Công ty T27**. Sau khi ký kết hợp đồng đại lý với MBF 8, **Công ty T27** chuyển tiền thanh toán đơn hàng theo yêu cầu của MBF 8, nhưng thực tế **Công ty T27** không nhận bàn giao hàng hóa và tổ chức bán hàng thẻ cào. Toàn bộ thẻ cào vẫn do MBF 8 tổ chức tiêu thụ thông qua hệ thống kênh đại lý của MBF 8, sau đó MBF 8 có trách nhiệm thu tiền bán hàng trả lại cho **Công ty T27**. **Công ty T27** chỉ tiếp nhận, hạch toán hóa đơn GTGT của MBF 8, nhằm nâng doanh số kinh doanh. Để hợp thức việc trả tiền cho **Công ty T27**, phía MBF 8 sử dụng tài khoản cá nhân của nhân viên **chi nhánh M4** các tỉnh hoặc tài khoản các đại lý để chuyển tiền về tài khoản **Công ty T27**. **Công ty T27** hạch toán triệt tiêu tồn kho bằng cách căn cứ số lượng tiền chuyển về từ tài khoản các cá nhân hoặc pháp nhân là đại lý để xuất bỏ hóa đơn cho khách lẻ hoặc pháp nhân là đại lý của MBF. Khi thống nhất quy trình thanh toán, xuất hóa đơn, tại MBF 8, dù biết **Công ty T27** không đủ điều kiện làm đại lý và không kinh doanh thẻ cào **Trần Thanh P3** vẫn chỉ đạo **Lê Văn V4**, sinh năm 1990- nhân viên Phòng khách hàng cá nhân của MBF 8 (sau đây gọi tắt là Phòng KHCN), soạn thảo hợp đồng theo mẫu của **M2**; xây dựng tờ trình của phòng KHCN đề xuất **Đặng Văn D5** ký hợp đồng đại lý phân phối thẻ cào với **Công ty T27**. Sau khi xây dựng các văn bản tờ trình và hợp đồng, **V4** báo cáo **Trần Thanh P3**, và thời điểm đó **P3** đang đi công tác không có mặt tại Công ty, nên **P3** nhờ **Đỗ Thị Thu H10**, sinh năm 1976 - Trưởng phòng KHCN ký tờ trình để hoàn thiện hồ sơ trình **Đặng Văn D5** ký hợp đồng phân phối thẻ cào với **Công ty T27** vào ngày 12/12/2021. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng, do **Công ty T27** không đủ nguồn lực để đáp ứng nhu cầu thanh toán đơn hàng của MBF 8, nên việc triển khai tạm dừng.

Đối với MBF 9, **Đào Thái H9** cũng thông qua **Lê Quốc H8** trao đổi với **Trần Thị Hồng V3** và **Trần Nguyễn Quỳnh C2**, sinh năm 1989 - đại diện các **Công ty T28** và **Công ty T28** để thống nhất phương án xử lý đơn hàng trị giá khoảng 125.000.000.000 đồng theo nội dung thỏa thuận giữa **N3** và **T12**. Qua trao đổi, **Lê Quốc H8** đã thống nhất với **Trần Thị Hồng V3** cách thức xử lý đơn hàng là: **Công ty T27** thanh toán cho MBF 9 số tiền 125.000.000.000 đồng tương ứng 01 đơn hàng, MBF 9 và các đại lý của MBF 9 (gồm **Công ty T28** và **Công ty T28**) có trách nhiệm bán hàng và trả lại toàn bộ số tiền kèm khoản tiền lãi 5,5% cho **Công ty T27** trong

vòng 30 ngày. Riêng khoản tiền lãi 5,5% là nội dung thống nhất giữa T12 và Nhân từ trước, nên H8 và V3 chỉ thống nhất thực hiện, nội dung này H8 không trao đổi lại với Đào Thái H9. Để hợp thức, MBF 9 sẽ ký hợp đồng đại lý phân phối thẻ cào với Công ty T27 làm cơ sở cho việc giải ngân số tiền 125.000.000.000 đồng. Sau đó, Công ty T27 sẽ ký hợp đồng mua bán thẻ cào với Công ty T28 và Công ty T28 để làm cơ sở cho Công ty T28 và Công ty T28 trực tiếp nhận hàng tại MBF 9 và tổ chức bán hàng, thu tiền trả lại cho Công ty T27. Sau khi thống nhất, V3 báo cáo với Phan Tấn N3 và được N3 đồng ý cho thực hiện. V3 chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng L4, sinh năm 1989 - Tổ trưởng Tổ bán hàng thuộc Phòng KHCN soạn thảo hợp đồng, biên bản thương thảo hợp đồng và hồ sơ thẩm định điều kiện đại lý của Công ty T27. Mặc dù Công ty T27 không đủ điều kiện làm đại lý, V3 vẫn ký biên bản thẩm định xác định Công ty T27 có hệ thống cửa hàng bán thẻ trên địa bàn do MBF 9 quản lý (thực tế các cửa hàng này đều thuộc hệ thống của Công ty T28, Công ty T28 và Công ty H25) để hợp thức hồ sơ điều kiện báo cáo Lê Văn K, sinh năm 1977- Trưởng phòng KHCN ký tờ trình đề xuất Phan Tấn N3 ký hợp đồng đại lý với Công ty T27 vào ngày 15/12/2021. Đồng thời, V3 trao đổi với Trần Nguyễn Quỳnh C2 để C2 chỉ đạo Phạm Triều K1, sinh năm 1984 - Người đại diện pháp luật Công ty T28 và Lý Chung N4, sinh năm 1990 - Người đại diện pháp luật Công ty T28 ký hợp đồng mua bán thẻ cào với Công ty T27 và triển khai bán toàn bộ số thẻ trữ theo đơn hàng 125.000.000.000 đồng, thu tiền trả lại cho Công ty T27 và kèm chi phí lãi suất 5,5%. Ngày 01/3/2022, Trần Thị Hồng V3 chuyển công tác đến chi nhánh M tỉnh Vĩnh Long. Sau này, với vai trò là Phó Giám đốc chi nhánh M, V3 tiếp tục ký xác nhận đơn hàng để chi nhánh M xuất hóa đơn cho Công ty T27. Sau khi V3 chuyển công tác, Phan Tấn N3 tiếp tục giao Nguyễn Hồng L4 làm đầu mối trao đổi, làm việc với Công ty T27.

Tại Công ty T27, Đào Thái H9 báo cáo Bùi Đức L3 chỉ đạo Nguyễn Việt Đ3, sinh năm 1982- Tổng Giám đốc Công ty T27 phối hợp với Trần Thị T13, sinh năm 1973, nơi cư trú: Phòng 1901, nhà S, Tòa nhà G, số C Hồ T, phường P, quận B, thành phố Hà Nội là Giám đốc Tài chính Công ty T99, soạn thảo hợp đồng với các đối tác đúng quy định, bảo vệ quyền lợi cho Công ty T27. Sau đó, theo yêu cầu của Bùi Đức L3 và căn cứ nhiệm vụ, Đ3 ký hợp đồng đại lý phân phối thẻ cào với các Công ty M4 và MBF 9; ký hợp đồng mua bán thẻ với Công ty T28, Công ty T28; ký các hợp đồng với một số Công ty trong hệ sinh thái của Bùi Đức L3 để hoàn thiện hồ sơ năng lực, đủ điều kiện làm đại lý phân phối thẻ cào theo quy định của M2. Sau khi ký hợp đồng với MBF 8 và MBF 9, trên cơ sở cân đối nguồn lực và khả

năng huy động vốn của Công ty T27, Bùi Đức L3 quyết định tạm dừng triển khai hợp đồng với MBF 8, để tập trung nguồn lực triển khai hợp đồng với MBF 9.

Việc triển khai hợp tác giữa Công ty T27 và MBF 9 được thực hiện ngay sau khi ký hợp đồng, trên cơ sở trao đổi với MBF 9, bộ phận kế toán của Công ty T27 lập đơn hàng theo thông tin do Nguyễn Hồng L4 gửi cho Lê Quốc H8, H8 gửi lại cho Công ty T27 để đặt mua 2.977.185 thẻ cào trị giá 125.760.000.000 đồng, trong đơn đặt hàng của Công ty T27 thể hiện số lượng thẻ cào nhận tại từng kho của MBF 9 và các tỉnh kèm danh sách người nhận hàng. Sau khi Công ty T27 chuyển tiền vào tài khoản MBF 9 vào ngày 31/12/2021, MBF 9 xuất hóa đơn GTGT kèm lệnh xuất kho hàng hóa để Công ty T27 hạch toán. Thực tế số thẻ cào mà Công ty T27 đặt mua vẫn để tại các kho của M4 và các chi nhánh M các tỉnh thuộc MBF 9; hàng ngày các cửa hàng bán lẻ của đại lý Công ty T28, Công ty T28 thông qua nhân viên giao hàng của M2 nhận thẻ tại kho của MBF 9 và chi nhánh M các tỉnh để bán, sau đó gom tiền cho Công ty T28, Công ty T28 để chuyển khoản trả về Công ty T27 theo thỏa thuận giữa Công ty T27 với MBF 9. Đến ngày 27/01/2022, toàn bộ thẻ cào theo đơn hàng của Công ty T27 đã được Công ty T28, Công ty T28 và thanh toán hết cho Công ty T27. Tuy nhiên, do tiến độ bán ra thị trường chậm, đến tháng 06/2022, Công ty T28, Công ty T28 mới tiêu thụ hết thẻ, vì vậy từ tháng 01 đến tháng 06/2022, Công ty T27 không thực hiện đơn hàng nào với MBF 9.

Đối với Công ty T27, trong quá trình thực hiện chỉ đạo của Bùi Đức L3 ký các hợp đồng đại lý phân phối thẻ cào với các đối tác Mobifone, đến khi bộ phận văn phòng trình ký các chứng từ để hạch toán 01 hóa đơn GTGT của MBF 9, với tổng doanh số là 125.760.000.000đ, Nguyễn Việt Đ3 nhận thấy việc hợp tác này có dấu hiệu rủi ro, có thể vi phạm pháp luật, do vậy Đ3 chủ động xin nghỉ việc vào ngày 14/01/2022. Sau khi Đ3 nghỉ việc, Nguyễn Văn C3, sinh năm 1985 - Phó Tổng Giám đốc thường trực được ủy quyền điều hành hoạt động của Công ty T27 từ tháng 4/2022 đến tháng 8/2022. Từ tháng 8/2022 Nguyễn Minh T14, sinh năm 1976, được bổ nhiệm quyền Tổng giám đốc và được ủy quyền điều hành hoạt động của Công ty T27 thay Nguyễn Văn C3. Cả C3 và T14 chỉ được Bùi Đức L3 thông báo là Công ty T27 đang có hợp đồng phân phối thẻ cào với các đối tác Mobifone, nhưng L3 đã giao cho Đào Thái H9 trực tiếp phụ trách, chỉ đạo bộ phận kế toán vận hành và yêu cầu C3, T14 ký duyệt các chứng từ do Nguyễn Châu T15, sinh năm 1979- Trưởng phòng hành chính nhân sự; Trần Xuân Á1, sinh năm 1999- nhân viên phòng hành chính nhân sự tập hợp theo chức năng, nhiệm vụ; C3, T14 chỉ được L3 giao phụ trách mảng cho vay tài chính của Công ty T27.

Theo chỉ đạo của **Bùi Đức L3**, **Đào Thái H9** giao **Trần Nhật H11**, sinh năm 1981 - Phó trưởng phòng tài chính kế toán, phụ trách tài chính **Công ty T27**, hỗ trợ tiếp nhận hạch toán hóa đơn GTGT của MBF 9, để có căn cứ hạch toán, **H9** chỉ chuyển cho **H11** hợp đồng đại lý ký kết giữa **Công ty T27** với **M4**; các hợp đồng nguyên tắc giữa **Công ty T27** với **Công ty T28**, **H** kèm theo 01 hóa đơn GTGT với doanh số 125.760.000.000đ của MBF 9 xuất cho **Công ty T27** và yêu cầu **Trần Nhật H11** thực hiện việc xuất hóa đơn bán hàng cho **Công ty T28**, **Công ty T28**, ngoài ra **H9** không trao đổi gì khác với **H11**. Hàng ngày, **H11** theo dõi các đơn đặt hàng do **Công ty T28**, **Công ty T28** gửi cho **Công ty T27** qua email và chuyển tiền thanh toán tương ứng với đơn hàng vào tài khoản của **Công ty T27**, sau khi nhận đơn hàng và xác nhận **Công ty T28**, **H** đã thanh toán tiền, **H11** xuất hóa đơn GTGT tương ứng theo quy định kế toán. Quá trình thực hiện, **H11** nhận thấy có nhiều vấn đề không minh bạch trong mua bán, giao nhận hàng hóa, có dấu hiệu rủi ro, có thể vi phạm pháp luật, đồng thời được **Nguyễn Việt Đ3** cảnh báo, nên tháng 01/2022, **H11** đã chủ động xin nghỉ việc tại **Công ty T27**, tuy nhiên do ràng buộc về hợp đồng lao động, nên đến tháng 3/2022, **H11** mới được **Công ty T27** giải quyết cho nghỉ.

Đến tháng 7/2022, nhận thấy việc thực hiện đơn hàng lớn với các đối tác Mobifone phải huy động số lượng tiền quá lớn, thời gian phía Mobifone bán hàng để trả lại tiền cho **Công ty T27** kéo dài, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của **Công ty T27**. Do vậy, **Bùi Đức L3** đã trao đổi với **Trần Đức T12** đề nghị các đối tác MBF 8, MBF 9 cho ứng tiền thanh toán đơn hàng theo ngày để giảm áp lực vốn cho **Công ty T27**.

**T12** đã trao đổi với **Phan Tấn N3** và được **N3** đồng ý, giao cho **Nguyễn Thị Hồng L4** là đầu mối của MBF 9 tiếp tục phối hợp thực hiện, **L4** giới thiệu thêm **Công ty H25** - là đại lý của MBF 9, do **Trần Minh T16**, sinh năm 1975 - là người đại diện pháp luật, ký hợp đồng mua bán thẻ cào với **Công ty T27** để triển khai việc “**ứng tiền**”, bán hàng và trả lại tiền cho **Công ty T27** theo đơn hàng ngày. **L4** đã tạo nhóm chat **V5** gồm các thành viên là nhân viên phòng khách hàng cá nhân MBF 9, nhân viên kế toán của **Công ty T27**, kế toán, Giám đốc các **Công ty T28**, **Công ty T28**, **Công ty H25** và **Lê Quốc H8** để cùng trao đổi, thống nhất các nội dung liên quan đến quy trình gửi đơn hàng, giao hàng, thanh toán tiền giữa MBF 9, **Công ty T27** và các **Công ty T28**, **Công ty T28**, **Công ty H25**, cụ thể “*Trước 14h30 hàng ngày, các tổng đại lý T28, Hưng Thạnh H gửi đơn hàng. Trước 16h, T99 chuyển khoản cho MBF, trước 11h ngày hôm sau các tổng đại lý Cát L5, H, Hải S1 chuyển tiền cho T99*”. Sau đó **L5** gửi email cho **M2** các tỉnh, thành phố để thông báo về việc bổ

sung đại lý T99 và hướng dẫn quy trình giao hàng, thanh toán tiền, xuất hóa đơn với nội dung “Bổ sung thêm tổng đại lý T29 (thay vì TĐL cũ: H, Cát L5, H); Dòng hàng, tiền: nhân viên bán hàng/ đầu mỗi thẻ cào tại MBF tỉnh thành phố vẫn nhận thẻ tại kho hàng theo quy định, nộp tiền về Tổng đại lý theo luồng cũ.; Dòng hóa đơn: khi nhận được đơn hàng và tiền T99, T27, H, H hay C, MBF tỉnh thành phố nhận của Đại lý nào thì xuất hóa đơn như bình thường cho Đại lý đó”.

Theo thỏa thuận, phía MBF 9 và Công ty T27 phải đảm bảo quyền lợi đại lý cho phía Công ty T28, Công ty T28 và Công ty H25, bao gồm: Chiết khấu mua thẻ cào của Công ty T27 bằng với MBF 9 (4%) và phải nhận đủ chiết khấu cộng thêm đối với thẻ nạp trong vùng theo quy định của MBF nhưng do muốn cho hồ sơ kế toán chặt chẽ, Lê Quốc H8 đã tư vấn trong hợp đồng mua bán thẻ cào giữa Công ty T27 và Công ty T28, Công ty T28, Công ty H25 phải để mức chiết khấu 3,9%, để phản ánh hoạt động kinh doanh của Công ty T27 có mức lãi (0,1%), Công ty T27 sẽ “thanh toán ngoài” qua tài khoản cá nhân cho Công ty T28, Công ty T28 để đảm bảo đủ mức chiết khấu 4%.

Khi bắt đầu thực hiện việc thanh toán đơn hàng theo ngày, Trần Đức T12 có trao đổi với Bùi Đức L3 về những khó khăn phát sinh do cần nhiều nhân lực hơn để hỗ trợ để xử lý đơn hàng và xuất hóa đơn hàng ngày. Sau đó L3 đã nhất trí là Công ty T27 sẽ hỗ trợ cho các nhân viên thêm khoản tiền tương ứng với 0,2% mỗi đơn hàng và thống nhất đó 0,1% hỗ trợ nhân viên hướng dẫn làm thủ tục đại lý, chuyên môn nghiệp vụ viễn thông, còn lại 0,1% hỗ trợ cho nhân viên của MBF8, MBF9 đồng thời giao cho Đào Thái H9 chỉ đạo các bộ phận của Công ty T27 phối hợp với Lê Quốc H8 thực hiện. Về phía MBF8 và MBF9 không yêu cầu khoản tiền này.

Sau khi thống nhất nội dung triển khai việc ứng tiền đơn hàng theo ngày, nhận thấy nguồn vốn xoay vòng không nhiều, nguồn lực của Công ty T27 có thể đáp ứng được cho các đơn hàng theo ngày của MBF 8 và MBF 9. Đào Thái H9 đã báo cáo Bùi Đức L3, rồi thông qua Lê Quốc H8 liên hệ, trao đổi với Trần Thanh P3 đề xuất Đặng Văn D5 cho Công ty T27 tiếp tục triển khai hợp đồng đại lý phân phối thẻ cào với MBF 8, nhưng chuyển sang ứng tiền đơn hàng theo ngày. D5 đồng ý và giao Trần Thanh P3 tiếp tục làm đầu mối thực hiện. P3 đã lập 01 nhóm Viber “Kinh doanh thẻ cào vật lý” để trao đổi hướng dẫn cấp dưới, các chi nhánh triển khai thực hiện hợp đồng theo phương thức đã được P3 trao đổi, thỏa thuận và thống nhất với Lê Quốc H8, cụ thể P3 đã thông báo cho các tỉnh quy trình bán hàng với nội dung “Để hỗ trợ các tỉnh không phải lo lắng dòng tiền mua thẻ cào,

các tỉnh gửi đơn hàng trước 14h30 hàng ngày, T99/T99 Invest lo dòng tiền theo đơn hàng chuyển khoản cho MBF; các tỉnh xuất bán, trả tiền cho T99/T99 Invest trước 14h30 hôm sau” (sau khi các đại lý bán được hàng và chuyển tiền qua tài khoản cá nhân của **Bảo Ý D4**- là nhân viên hỗ trợ bán hàng của **M4 chi nhánh B**). Cùng với đó, **P3** đã chỉ đạo, hướng dẫn **Nguyễn Thị Minh L6**, sinh năm 1994 - Nhân viên Phòng KHCN tập hợp nhu cầu bán hàng từ Mobifone các tỉnh, sau đó tập hợp tạo thành đơn đặt hàng chung của **Công ty T27** rồi gửi lên nhóm Viber để Công ty T99 căn cứ ứng tiền thanh toán. Sau khi theo dõi thấy tiền của đơn hàng đã được **Công ty T27** thanh toán, Lòng nhấn tin **báo lên nhóm V10** để **M2** các tỉnh xuất hóa đơn GTGT, xuất hàng, với những đơn hàng Mobifone tỉnh không xuất hóa đơn, **L6** sẽ trình **Trần Thanh P3** ký duyệt các đơn đặt hàng, lệnh xuất kho, phiếu đề nghị xuất kho cho **Công ty T27**, sau đó thao tác trên hệ thống bán hàng tập trung của MBF 8 thực hiện xuất hóa đơn GTGT của MBF 8 cho **Công ty T27**. Ngày 01/9/2022, **Trần Thanh P3** được điều động giữ chức vụ Quyền Giám đốc **chi nhánh M**. Tuy nhiên, theo chỉ đạo của **Đặng Văn D5**, **P3** vẫn tiếp tục theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện hợp đồng giữa MBF 8 và **Công ty T27**, sau này là **Công ty T27** đến ngày 01/8/2023. Khi về nhận công tác tại **Mobifone tỉnh B**, với vai trò là quyền Giám đốc chi nhánh, **P3** ký xác nhận các chứng từ và xuất hóa đơn bán hàng của **M** cho **Công ty T27**. Do lúc này tại phòng KHCN chỉ còn **Đỗ Thị Thu H10** là lãnh đạo, nên **Đặng Văn D5** giao **H10** việc ký duyệt các đơn đặt hàng, lệnh xuất kho, phiếu đề nghị xuất kho cho **Công ty T27**, sau này là **Công ty T27** theo chức năng, nhiệm vụ. Đến tháng 3/2023, **Nguyễn Thị Minh L6** nghỉ việc, **Đỗ Thị Thu H10** đã giao cho **Hoàng Thị T17**, sinh năm 1990- Nhân viên Kế toán theo dõi bán hàng Phòng KHCN thay thế Lòng tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến việc thực hiện hợp đồng với **Công ty T27** cho đến khi bị Cơ quan điều tra phát hiện, ngăn chặn vào tháng 8/2023. Theo bàn giao của **Nguyễn Thị Minh L6**, **T17** tập hợp nhu cầu bán hàng từ MBF các tỉnh để gửi lên nhóm **V5** cho **Công ty T27** thanh toán và thực hiện xuất hóa đơn đối với những hóa đơn do **Công ty M4** xuất cho **Công ty T27**, ngoài ra không được Lòng trao đổi gì thêm.

Tại **Công ty T27**, sau khi **H11** nghỉ việc, **Đào Thái H9** đã chỉ đạo **Trần Thị H12**, sinh năm 1982 - Kế toán trưởng **Công ty T27** từ ngày 23/7/2022 đến tháng 3/2023, trực tiếp điều hành hoạt động của Phòng tài chính - kế toán **Công ty T27**, trong đó trực tiếp chỉ đạo việc tiếp nhận, hạch toán hóa đơn GTGT không có hàng hóa của MBF 8 và MBF 9. Trên cơ sở đó, cân đối xuất hóa đơn GTGT cho khách lẻ, pháp nhân là đại lý thuộc MBF 8 và các đại lý của MBF 9 là **Công ty T28**, **Công ty**

T28 và Công ty H25. Trong đó, Trần Thị H12 trực tiếp tham gia trao đổi, bàn bạc với Đào Thái H9 và các cá nhân tại Công ty T27; kế toán của MBF 8, MBF 9; người điều hành của Công ty T28, Công ty T28 và Công ty H25; cùng Lê Quốc H8 thông qua các nhóm chat trên ứng dụng Zalo, V5, để hoàn thiện quy trình thanh toán, xuất hóa đơn, vận hành hợp đồng. Trên cơ sở đó, Trần Thị H12 chỉ đạo Trần Thu H13, sinh năm 1985 - Nhân viên kế toán Công ty T27 từ tháng 8/2022 đến tháng 01/2023, phối hợp với Bùi Thu H14, sinh năm 1992, Nhân viên Ban V7 (do Đào Thái H9 yêu cầu hỗ trợ Công ty T27) lấy thông tin đơn hàng từ MBF 8, Công ty T28, Công ty T28, Công ty H25, sau đó tách thành đơn hàng của Công ty T27 để trình Nguyễn Văn C3 và Nguyễn Minh T14 ký, rồi chuyển cho MBF 8 và MBF 9 để hoàn thiện chứng từ. Đồng thời, H12 chỉ đạo Trần Thu H13 tiếp nhận, hạch toán hóa đơn GTGT không có hàng hóa của MBF 8 và MBF 9, cân đối sổ sách kế toán để xuất hóa đơn GTGT không có hàng hóa cho khách lẻ, pháp nhân là đại lý thuộc MBF 8 và Công ty T28, Công ty T28, Công ty H25 để triệt tiêu tồn kho và hợp thức dòng tiền trả lại cho Công ty T27, qua đó nâng doanh số cho Công ty T27. Ngoài ra, Trần Thị H12 là người tiếp nhận ý kiến chỉ đạo từ Bùi Đức L3 và Đào Thái H9 về việc chuyển số tiền 0.2%/giá trị đơn hàng cho Công ty M4 và MBF 9 thông qua Lê Quốc H8 - Công ty V9 để hỗ trợ cho việc thực hiện hợp đồng; cùng với đó “thanh toán ngoài” số tiền 0,1% chiết khấu bán thẻ cho các Công ty T28, H, H qua tài khoản cá nhân, sau đó hợp thức chứng từ để hạch toán số tiền đã chi.

Đến tháng 12/2022, thấy việc theo dõi dòng tiền đối với Công ty T27 phức tạp, do Công ty T27 ngoài hợp tác với các đối tác MBF, còn có nhiều hoạt động kinh doanh khác như: Cho vay cầm đồ, đầu tư dự án ... Đào Thái H9 đã đề xuất Bùi Đức L3 chuyển mảng hợp tác với MBF sang Công ty TNHH T27 (Công ty T27) là công ty đã được thành lập từ tháng 7/2021 do Nguyễn Văn C3 đứng tên Tổng Giám đốc nhưng chưa có hoạt động gì để chuyên thực hiện các hợp đồng với đối tác M2. L3 đồng ý và chỉ đạo Đào Thái H9 chuyển toàn bộ thỏa thuận hợp tác của Công ty T27 với Công ty M4 và Công ty M4 9 sang pháp nhân mới là Công ty T27; giao cho Đào Thái H9 là Tổng Giám đốc - người đại diện pháp luật của Công ty T27 ký lại 02 hợp đồng đại lý với Công ty M4 và Công ty M4; trực tiếp chỉ đạo toàn bộ các nội dung hợp tác với đối tác Mobifone. Để triển khai thực hiện hợp đồng, Đào Thái H9 giao cho Hà Khánh Đ4, sinh năm 1982 - Kế toán trưởng của Công ty T27 là người thực hiện toàn bộ việc hạch toán, xuất hóa đơn. Đ4 thay thế vai trò của H12 và H13, trực tiếp trao đổi với các đầu mối MBF 8, MBF 9 thông qua các nhóm chat Viber để cân đối hóa đơn đầu vào, đầu ra. Trực tiếp thực hiện việc ký đơn

hàng, lập lệnh chi, theo dõi tiền chuyển đi, nhận tiền về và xuất hóa đơn để triệt tiêu tồn kho, hợp thức dòng tiền trả lại, qua đó nâng doanh số cho Công ty T27.

Tại MBF 8, sau khi Lê Quốc H8 trao đổi với Trần Thanh P3 về việc phía Công ty T27 đề nghị thay đổi pháp nhân mới thay thế Công ty T27 thực hiện hợp đồng là Công ty T27, P3 đã trao đổi lại việc này với Đỗ Thị Thu H10, Trưởng phòng KHCN của MBF 8, H10 báo cáo Đặng Văn D5 và được D5 đồng ý. Sau đó H10 giao cho Lê Văn V4 soạn thảo hợp đồng đại lý mới giữa Công ty M4 8 với Công ty T27 và ký tờ trình đề xuất Đặng Văn D5 ký hợp đồng đại lý với Công ty T27 vào ngày 10/01/2023. Sau đó, Công ty T27 đã thay thế vai trò Công ty T27 thực hiện việc ứng tiền cho MBF 8 và nhận hóa đơn “khống” không có hàng hóa từ Công ty M4 để hạch toán.

Tại MBF 9, Lê Quốc H8 trao đổi với Nguyễn Hồng L4 về việc phía Công ty T27 đề nghị thay đổi pháp nhân mới thay thế Công ty T27 thực hiện hợp đồng là Công ty T27, L4 đã báo cáo lại việc này với Đặng Quốc T18, SN 1977, Trưởng phòng Khách hàng cá nhân Công ty M4 9. T18 báo cáo Phan Tấn N3 và được N3 đồng ý, tiếp tục giao cho Nguyễn Hồng L4 làm đầu mối trao đổi với Công ty T27. Sau đó, L4 soạn thảo hợp đồng đại lý mới giữa Công ty M4 9 với Công ty T27, trình Đặng Quốc T18 ký tờ trình đề xuất Phan Tấn N3 ký hợp đồng đại lý với Công ty T27 vào ngày 19/12/2022. Từ đầu năm 2023, Công ty T27 đã thay thế vai trò Công ty T27 thực hiện việc ứng tiền cho các Công ty T28, H, Hưng T19 và nhận hóa đơn “khống” không có hàng hóa từ Công ty M4 9 để hạch toán.

Đối với khoản chi phí 0,2% đã thống nhất trước đó với L3, T12 giao cho Lê Quốc H8 liên hệ với Công ty T27 để chuyển khoản tiền hỗ trợ cho MBF. Trên cơ sở đó, Đào Thái H9 và H8 thống nhất cứ 02 tháng H8 sẽ liên hệ với Công ty T27 để nắm được doanh số phát sinh làm căn cứ tính khoản chi phí 0,2%, Công ty T27 sẽ chuyển số tiền 0,2% vào tài khoản do T12 cung cấp là số tài khoản 223559832 mở tại Ngân Hàng V11 mang tên Trương Quốc A2 và số 244239797 mở tại Ngân hàng V12 mang tên Nguyễn Hồng N5 (là bố, mẹ vợ của T12) theo chu kỳ 02 tháng 01 lần (từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023), với tổng số tiền là 2.136.439.410đ. Đến hết tháng 02/2023 thì Công ty T27 chấm dứt việc thanh toán do không đủ tiền, phía T12, H8 cũng không đề nghị Công ty T27 phải tiếp tục thanh toán. Sau khi nhận được khoản tiền 0,2% trên tổng doanh số hóa đơn mà MBF8, MBF9 đã xuất cho Công ty T27, T99 Invest, T12 giao cho H8 tính toán và tách thành 02 phần, trong đó 0,1% chuyển cho MBF8, MBF9, còn lại 0,1% T12 giữ lại. Khi nhận được tiền, đến khoảng tháng 12/2022, Trần Đức T12 điện thoại cho Đặng Văn D5 thông báo

phía Công ty T27 có kinh phí hỗ trợ cho MBF8 trong việc bán hàng (trước đó D5 không được biết về việc này và cũng không có yêu cầu), D5 đồng ý và bảo T12 chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của anh Võ Ngọc Y2 - sinh năm 1975, trú tại: A, tổ B, KP1 B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (là kế toán của MBF 8) và tài khoản của anh Phạm Quốc N6 - sinh năm 1969, trú tại số C T, phường D, quận E, thành phố Hồ Chí Minh (là bạn của D5). Trên cơ sở số liệu do H8 tính toán, ngày 22/12/2022 T12 chuyển tiền từ tài khoản Nguyễn Hồng N5 đến tài khoản của H8 số tài khoản 10810031986 mở tại Ngân hàng V11 và bảo H8 chuyển khoản đến tài khoản của anh Võ Ngọc Y2 số tài khoản 0121000269145 mở tại Ngân hàng V12 số tiền 76.636.015đ; ngày 30/6/2023 H8 chuyển khoản từ tài khoản cá nhân của H8 đến tài khoản của Phạm Quốc N6 số tài khoản 0071000631100 mở tại Ngân hàng V12 số tiền 297.436.000đ. Sau khi nhận được tiền anh N6 và anh Y2 đã rút tiền mặt và đưa cho D5 tổng số tiền là **374.072.015đ**.

Đối với khoản tiền hỗ trợ cho MBF 9, T12 khai đã liên hệ với N3 để chuyển tiền cho N3, nhưng N3 yêu cầu nhận tiền mặt trực tiếp, nên đến nay T12 chưa gặp để giao tiền cho N3. Ngoài lời khai của T12, không có tài liệu nào để xác định số tiền trên T12 để chuyển cho Phan Tân N7. Do vậy, số tiền T12 còn giữ lại là **1.704.439.000đ (một tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng)**, Trần Đức T12 đã chủ động nộp lại số tiền **1.704.439.000đ**; Đặng Văn D5 đã chủ động nộp số tiền **374.072.015đ (ba trăm bảy mươi bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn không trăm mười lăm đồng)** để phục vụ công tác điều tra (do nhầm lẫn giao dịch trên tài khoản nên D5 nộp số tiền là **435.000.000đ**, thừa số tiền 60.927.985đ ).

Đối với số tiền lãi vay 5,5% theo thỏa thuận của Trần Đức T12 với Phan Tấn N3, đã được Trần Nguyễn Quỳnh C2 thanh toán cho Lê Quốc H8 vào ngày 23/8/2022, với tổng số tiền **472.301.771đ (bốn trăm bảy mươi hai triệu ba trăm linh một nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng)**, sau đó Lê Quốc H8 đã chuyển vào tài khoản của Trần Đức T12. Sau khi nhận tiền, T12 đã liên hệ với Bùi Đức L3 để chuyển lại Long toàn bộ số tiền lãi do M2 hỗ trợ.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, các đối tượng trong vụ án đã thực hiện việc hợp thức, xuất và hạch toán hóa đơn GTGT “khống” (không có hàng hóa) của MBF 8, MBF 9 cho Công ty T27, Công ty T27 với tổng số lượng là **3.763** tờ hóa đơn GTGT có tổng doanh số ghi trên hoá đơn là **1911.406.525.601đ (một nghìn chín trăm mười một tỷ bốn trăm linh sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm linh một đồng)**, cụ thể:

- Đối với MBF 8, từ tháng 7/2022 đến tháng 8/2023, **Đặng Văn D5** đã chỉ đạo, điều hành MBF 8 và các chi nhánh trực thuộc xuất tổng số **1.617** tờ hóa đơn GTGT không có hàng hoá, với tổng doanh số là **990.844.985.401đ** (*chín trăm chín mươi tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm linh một đồng*) cho **Công ty T27** và **Công ty T27** (Trong đó, **M4 254** hóa đơn; **M4 191** hóa đơn; **M4 225** hóa đơn; **M4 225** hóa đơn; **M4 78** hóa đơn; **MBF L 143** hóa đơn; **MBF Ninh Thuận 105** hóa đơn; **M4 144** hóa đơn; **MBF B 156** hóa đơn; **Công ty M4** trực tiếp xuất **96** hóa đơn). Toàn bộ hóa đơn, MBF 8 đã báo cáo doanh thu và kê khai thuế. Trong số này, có **37** tờ hóa đơn với doanh số **12.541.824.000đ** (*mười hai tỷ năm trăm bốn mươi một triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng*), qua điều tra xác định do MBF 8 xuất nhằm cho **Công ty T27**, **T27**. Đây là khoản doanh thu bán hàng, do các nhân viên của MBF 8 thu tiền bán hàng và nộp trực tiếp vào tài khoản của MBF 8, nhưng MBF 8 không xuất hóa đơn bán lẻ mà vẫn xuất cho **Công ty T27**, **Công ty T27**. Các hóa đơn này, **Công ty T27**, **Công ty T27** không hạch toán kê khai.

- Đối với MBF 9, từ tháng 12/2021 đến tháng 8/2023, **Phan Tấn N3** đã chỉ đạo, điều hành MBF 9 và các chi nhánh trực thuộc xuất cho **Công ty T27** và **Công ty T27** tổng số **2.146** tờ hóa đơn GTGT không có hàng hóa, với tổng doanh số là **920.561.540.200đ** (*chín trăm hai mươi tỷ năm trăm sáu mươi một triệu năm trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng*) (Trong đó, **M4 123** hóa đơn; **M4 264** hóa đơn; **M4 204** hóa đơn; **M4 170** hóa đơn; **M4 125** hóa đơn; **M4 42** hóa đơn; **M4 146** hóa đơn; **M4 382** hóa đơn; **M4 201** hóa đơn; **M4 27** hóa đơn; **M4 180** hóa đơn; **M4 264** hóa đơn, **Công ty M4** 9 trực tiếp xuất **18** hóa đơn). Toàn bộ hóa đơn xuất, MBF 9 và các chi nhánh đã báo cáo doanh thu, kê khai thuế.

Toàn bộ số hóa đơn GTGT nhận từ MBF 8 và MBF 9, **Công ty T27** và **Công ty T27** đã hạch toán và ghi nhận doanh thu vào báo cáo tài chính, kê khai với Cơ quan thuế để nâng doanh số kinh doanh cho **Công ty T27** và **Công ty T27**.

Ngày 12/12/2023, Cơ quan An ninh điều tra - **Công an tỉnh P** ra Quyết định trưng cầu giám định **Cục thuế tỉnh P** (Quyết định trưng cầu giám định số 11/QĐ-ANĐT, số 12/QĐ-ANĐT) để trưng cầu vi phạm pháp luật về thuế đối với **Công ty T27**, T99 Invest.

Tại Kết luận giám định ngày 12/3/2024 của **Cục thuế tỉnh P** kết luận:

“Hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn của **Công ty T27** tại thời điểm giám định không có thiệt hại về thuế GTGT”.

Tại Kết luận giám định ngày 12/3/2024 của **Cục thuế tỉnh P** kết luận:

“Tính đến thời điểm kết luận giám định, không có thiệt hại về thuế GTGT do Công ty cổ phần T27 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh xuất toán toàn bộ 2.315 hóa đơn không nêu trên và xác định lại thuế GTGT phải nộp và đã nộp toàn bộ số thuế thiếu vào NSNN theo quy định”

## 2. Đối với các trường hợp người liên quan trong vụ án gồm:

(1) Đối với **Bùi Quang H7**, Sinh năm 1988, HKTT: Tổ C, phường N, Quận S, Thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty T27 từ tháng 02/2022 đến nay.

**Bùi Quang H7** là cháu họ của **Bùi Đức L3**, được **L3** nhờ đứng tên Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty T27. Là người đại diện pháp luật, **Bùi Quang H7** được **Bùi Đức L3** yêu cầu ký các văn bản, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ủy quyền điều hành Công ty T27. Tuy nhiên, **Bùi Quang H7** không trực tiếp tham gia điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty T27, không bàn bạc, thảo luận, ký kết và thực hiện hợp đồng giữa Công ty T27 với các Công ty D6. Bản thân **H7** chỉ là thợ điện nước của **V6**, không có chuyên môn về tài chính, kế toán. Do vậy không có điều kiện, kiến thức để nắm bắt hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giữa Công ty T27 và MBF8, MBF9.

Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định **Bùi Quang H7** đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án về hành vi phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với **Bùi Quang H7**.

(2) Đối với **Nguyễn Việt Đ3**, SN 1982, ĐKTT: Tổ 14, Khu phố F, Phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Giám đốc Công ty T27 từ tháng 7/2021 đến tháng 01/2022. **Nguyễn Việt Đ3** được **Bùi Đức L3** mời về làm cố vấn cho Công ty T27 để chuẩn bị các điều kiện phục vụ IPO. Sau đó, **Nguyễn Việt Đ3** được **Bùi Đức L3** trao đổi về việc mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty T27, trong đó có việc hợp tác với đối tác Mobifone để tăng doanh thu phục vụ cho mục tiêu IPO. **Nguyễn Việt Đ3** được **Bùi Đức L3** yêu cầu phối hợp với **Đào Thái H9** - Giám đốc tài chính Tập đoàn V7 xây dựng nội dung hợp đồng đại lý phân phối thẻ cào với MBF 8 và MBF 9 đảm bảo chặt chẽ về thể thức, bảo vệ quyền lợi cho Công ty T27; đại diện Công ty T27 ký các hợp đồng đại lý phân phối thẻ cào với MBF 8 và MBF 9, hợp đồng mua bán thẻ cào với Công ty T28, Công ty T28; ký các hợp đồng với một số công ty theo chỉ đạo của **Bùi Đức L3** để đảm bảo điều kiện đại lý theo quy định của M2. Tuy nhiên, toàn bộ việc trao đổi, thỏa thuận về quy trình thanh toán, xuất hóa đơn với các đối tác Mobifone, **Bùi Đức L3** giao cho **Đào Thái H9** phụ trách trực tiếp, còn **Nguyễn Việt Đ3** chỉ phụ trách mảng kinh doanh cầm

đồ của Công ty T27 tại phía Nam, trụ sở làm việc tại TP Hồ Chí Minh, do vậy toàn bộ hồ sơ, chứng từ kế toán của công ty được bộ phận Văn phòng chuyển vào cho Đ3 ký cuối cùng để hoàn thiện. Do vậy, Đ3 không có điều kiện nắm bắt bản chất hoạt động hợp tác của Công ty T27 với các đối tác Mobifone. Tại cơ quan điều tra, Đ3 thành khẩn khai báo về hành vi của bản thân, Đ3 trình bày sau khi ký các chứng từ liên quan đến tiếp nhận 01 hóa đơn GTGT của MBF 9 với doanh số **125.760.000.000đ** (một trăm hai mươi lăm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng), với kiến thức về tài chính, kế toán được đào tạo và kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp, Đ3 mặc dù không biết bản chất hoạt động, nhưng nhận thấy có nhiều rủi ro về công tác tài chính, kế toán, có thể vi phạm pháp luật. Vì vậy, Đ3 đã chủ động xin nghỉ việc tại Công ty T27. Căn cứ kết quả điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra xác định chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Nguyễn Việt Đ3.

(3) Đối với Nguyễn Văn C3, Sinh năm 1985, HKTT: Số E, ngõ A, đường H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội - Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty T27 từ tháng 4/2022 đến tháng 10/2022.

Tháng 12/2020, Nguyễn Văn C3 được bổ nhiệm làm Giám đốc kinh doanh Công ty T27, sau đó được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty T27. Đến tháng 4/2022, C3 được Bùi Quang H7 - Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền điều hành hoạt động của Công ty T27. Tuy nhiên, thực tế C3 chỉ được Bùi Đức L3 thông báo là Công ty T27 đang có hợp đồng phân phối thẻ cào với các đối tác Mobifone, nhưng L3 đã giao cho Đào Thái H9 trực tiếp phụ trách, chỉ đạo bộ phận kế toán vận hành, yêu cầu C3 ký các chứng từ do bộ phận kế toán trình lên theo chức năng, nhiệm vụ; C3 chỉ phụ trách mảng cho vay cầm đồ của Công ty T27. Do đó, thông qua bộ phận Văn phòng của công ty T30 lên, C3 đã ký hoàn thiện các đơn hàng, giấy giới thiệu nhận hàng gửi cho các công ty D6 để thực hiện hợp đồng, nhưng không được trao đổi, bàn bạc gì với nhóm nhân sự vận hành của Công ty T27 và các đối tác Mobifone.

Từ tháng 7/2022 đến tháng 8/2023, trong thời gian Nguyễn Văn C3 giữ chức Phó Tổng Giám đốc thường trực, Công ty T27 đã tiếp nhận, hạch toán tổng số 359 hóa đơn GTGT không có hàng hóa của MBF 8 và MBF 9, với tổng doanh số là **245.069.059.205đ** (hai trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm sáu mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn hai trăm linh năm đồng) (Trong đó, gồm: 116 hóa đơn, doanh số **122.722.982.405đ** của M4; 243 hóa đơn, doanh số **122.346.076.800đ** của MBF 9). Công ty T27 xuất cho khách lẻ, pháp nhân là đại lý của MBF 8: 15 hóa đơn, với doanh số **64.164.998.400đ**; Công ty T28: 19 hóa đơn,

với doanh số **37.244.890.790đ**; Công ty T28: 19 hóa đơn, với doanh số **38.542.711.680đ**; Công ty H25: 18 hóa đơn, với doanh số **25.411.703.780đ**.

Hành vi của Nguyễn Văn C3 có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong việc mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi, C3 không đủ thông tin, điều kiện để biết bản chất hoạt động kinh tế giữa Công ty T27 và các đối tác Mobifone. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn C3 thành khẩn khai báo hành vi của bản thân và những người liên quan. Mặt khác, bản thân C3 không được hưởng lợi ích gì khi thực hiện công việc trên. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn C3.

(4) Đối với Nguyễn Minh T14, SN 1976, ĐKTT: Số A đường T, phường D, quận H, thành phố Hồ Chí Minh - Quyền Tổng giám đốc Công ty T27 từ tháng 8/2022 đến tháng 8/2023.

Tháng 8/2022, Nguyễn Minh T14 được bổ nhiệm quyền Tổng giám đốc và được ủy quyền điều hành hoạt động của Công ty T27. Tuy nhiên, thực tế T14 chỉ được Bùi Đức L3 thông báo là Công ty T27 đang có hợp đồng phân phối thẻ cào với các đối tác Mobifone, nhưng L3 đã giao cho Đào Thái H9 trực tiếp phụ trách, chỉ đạo bộ phận kế toán vận hành, yêu cầu T14 ký các chứng từ do bộ phận kế toán trình lên theo chức năng, nhiệm vụ; T14 chỉ có nhiệm vụ theo dõi và phụ trách mảng cho vay cầm đồ của Công ty T27. Do đó, thông qua bộ phận Văn phòng của công ty T30 lên, T14 đã ký hoàn thiện các đơn hàng, giấy giới thiệu nhận hàng gửi cho các công ty D6 để thực hiện hợp đồng, nhưng không được trao đổi, bàn bạc gì với nhóm nhân sự vận hành của Công ty T27 và các đối tác Mobifone. Ngoài ra, tháng 12/2022, theo yêu cầu của Đào Thái H9, T14 đại diện Công ty T27 ký phụ lục gia hạn hợp đồng với MBF8 và MBF9.

Từ tháng 9/2022 đến tháng 7/2023, trong thời gian Nguyễn Minh T14 giữ chức Quyền tổng giám đốc, Công ty T27 đã tiếp nhận, hạch toán tổng số **1.189** hóa đơn GTGT không có hàng hóa của MBF 8 và MBF 9, với tổng doanh số **599.921.463.819đ** (năm trăm chín mươi chín tỷ chín trăm hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm mười chín đồng) (Trong đó, gồm: **357** hóa đơn, với doanh số **290.000.841.756đ** của MBF8; **832** hóa đơn, với doanh số **309.911.622.063đ** của MBF9). Công ty T27 xuất cho khách lẻ và pháp nhân là đại lý của MBF8: **369** hóa đơn, với doanh số **350.058.500.269đ**; Công ty T28: **92** hóa đơn, với doanh số **105.800.037.390đ**; Công ty T28 **94** hóa đơn, với doanh số **104.267.601.129đ**; Công ty H25: **96** hóa đơn, với doanh số là **121.445.320.880đ**.

Hành vi của Nguyễn Minh T14 có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong việc

mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi, T14 không được trao đổi, bàn bạc và không có đủ thông tin, điều kiện để biết được bản chất hoạt động hợp tác của Công ty T27 và các đối tác Mobifone. Quá trình điều tra, Nguyễn Minh T14 thành khẩn khai báo hành vi của bản thân và những người liên quan. Mặt khác, bản thân T14 không được hưởng lợi ích khi thực hiện công việc trên. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Nguyễn Minh T14.

(5) Đối với Trần Nhật H11, SN 1981, ĐKTT: Số D, đường B, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh - Phó trưởng phòng tài chính kế toán - Công ty T27 từ tháng 6/2021 đến tháng 3/2022.

Khi bắt đầu làm việc tại Công ty T27, Trần Nhật H11 được giao làm Phó phòng Tài chính - Kế toán phụ trách tài chính Công ty T27 (trưởng phòng là H). Nhiệm vụ chính của H11 là giúp Ban Giám đốc kiện toàn quy trình doanh nghiệp theo quy định của Bộ T31, nhằm công khai minh bạch các khoản thu, chi theo yêu cầu của một công ty niêm yết. Ngoài ra, H11 được Đào Thái H9 yêu cầu hỗ trợ việc xuất hóa đơn GTGT cho Công ty T28, Công ty T28. Khi giao việc, H11 chỉ được Đào Thái H9 cung cấp 01 hóa đơn GTGT 125.760.000.000đ của MBF9 xuất cho Công ty T27, kèm theo 02 hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty T27 với công ty T28, Công ty T28 để làm căn cứ xuất hóa đơn. Căn cứ đơn đặt hàng do Công ty T28, Công ty T28 gửi cho Công ty T27 qua email và xác nhận số tiền thanh toán tương ứng chuyển khoản đến tài khoản của Công ty T27, H11 xuất hóa đơn GTGT của Công ty T27 cho Công ty T28, Công ty T28. Tổng cộng H11 đã thực hiện xuất 18 hóa đơn GTGT cho Công ty T28, với doanh số 38.400.000.000đ, 19 hóa đơn GTGT cho Công ty T28 với doanh số 87.360.000.000đ. Quá trình xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty T28, Công ty T28, H11 không được trao đổi cụ thể hoặc không tham vào quy trình bán hàng, giao nhận hàng giữa Công ty T27 với công ty T28, Công ty T28, do đó không biết được hoạt động thanh toán, xuất hóa đơn GTGT không có hàng hóa của các đối tác M2 và Công ty T27, cũng như Công ty T27 và Công ty T28, Công ty T28. Tuy nhiên, bằng kiến thức và kinh nghiệm của bản thân, H11 nhận thấy hoạt động kinh doanh thẻ của Công ty T27 có dấu hiệu rủi ro về thuế, có thể dẫn đến vi phạm pháp luật, nên khoảng giữa tháng 01/2022, H11 đã chủ động xin nghỉ việc tại Công ty T27, nhưng do ràng buộc về hợp đồng lao động, nên đến tháng 3/2022, H11 mới được Công ty T27 giải quyết cho nghỉ việc.

Hành vi của Trần Nhật H11 có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong quá trình mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi, H11 không được trao đổi, bàn bạc và không có đủ thông tin, điều kiện để biết được bản chất

hoạt động hợp tác của Công ty T27 và các đối tác. Quá trình điều tra, Trần Nhật Hoàn thành k khai báo hành vi của bản thân và người liên quan. Mặt khác, Trần Nhật H11 không được hưởng lợi ích gì từ việc làm trên. Do vậy chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Trần Nhật H11.

(6) Đối với Trần Thị T13, SN 1973, ĐKTT: Số A, phố B, Phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội - Giám đốc tài chính Công ty T99 từ tháng 03/2022 đến tháng 6/2023.

Đối với Trần Thị T13, SN 1973, ĐKTT: Số A, phố B, Phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội - Giám đốc tài chính Công ty T99 từ tháng 03/2022 đến tháng 6/2023.

Trần Thị T13 là người được Đào Thái H9 đề nghị hỗ trợ để hoàn thiện nội dung văn bản các phụ lục hợp đồng giữa Công ty T27 với 03 đại lý là Công ty T28, Công ty T28, Công ty H25, nhằm đảm bảo chặt chẽ về kỹ thuật, pháp lý cũng như bảo vệ quyền lợi của Công ty T27. Đồng thời, với vai trò là Giám đốc tài chính, Trần Thị T13 được nhận báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chung của công ty, trong đó có kết quả thực hiện hợp đồng với các đối tác Mobifone, từ đó Trần Thị T13 phân tích số liệu tài chính để báo cáo Bùi Đức L3 về kết quả chiến lược kinh doanh của Công ty T27. Tuy nhiên, T13 không được bàn bạc, thảo luận và không biết được bản chất hợp tác của Công ty T27 và các đối tác Mobifone là mua bán hàng hóa không có thật. Công việc của T13 là căn cứ trên số liệu kế toán do các bộ phận kế toán, kinh doanh của Công ty T27 báo cáo, để tổng hợp và phân tích số liệu. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định Trần Thị T13 đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với Trần Thị T13.

(7) Đối với Bùi Thu H14, SN 1992. ĐKTT: Số B, ngõ A, đường H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội - Nhân viên Ban V7 từ tháng 05/2021 đến tháng 04/2023.

Bùi Thu H14 được Đào Thái H9 chỉ đạo hỗ trợ Phòng tài chính - kế toán Công ty T27 trong việc làm đầu mối nhận đơn hàng, tách đơn hàng từ M, sau đó phối hợp với Trần Thu H13 tách và chuyển thành đơn hàng của Công ty T27 để gửi lại cho M2. Tuy nhiên, H14 làm theo chỉ đạo của Đào Thái H9 là hỗ trợ Trần Thu H15 mà không được trao đổi, bàn bạc về mục đích thực hiện hợp đồng, do vậy H14 không có thông tin để biết các đơn hàng này thực tế không có hàng hóa kèm theo. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định Bùi Thu H14 đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với Bùi Thu H14.

(8) Đối với Hoàng Thị Mai H16, SN 1990, ĐKTT: Số D D, Tổ B, phường Y, quận C thành phố Hà Nội - Kế toán trưởng từ 21/3/2022 đến ngày 23/4/2022;

**Nguyễn Thị Ngọc H17**, SN 1985, ĐKTT: C3, Tập thể N, phường N, quận C thành phố Hà Nội - Kế toán trưởng từ tháng 6/2022 đến 25/7/2022 và **Phạm Ngọc Quỳnh H18**, SN 1983, ĐKTT: 17/54/76 A, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội - Kế toán trưởng từ tháng 7/2023 đến nay.

Các trường hợp trên không trực tiếp tham gia vào việc tiếp nhận, hạch toán, xuất hóa đơn liên quan đến thực hiện hợp đồng với **M2**. Công việc chủ yếu là hạch toán, xuất hóa đơn liên quan đến mảng cho vay cầm đồ của **Công ty T27**. Do đó, chưa có căn cứ để xác định **Hoàng Mai H16**, **Nguyễn Thị Ngọc H17** và **Phạm Ngọc Quỳnh H18** đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với các trường hợp trên.

(9) Đối với **Nguyễn Châu T15**, SN 1979, ĐKTT: Phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh - Trưởng phòng hành chính nhân sự **Công ty T27**; **Trần Xuân Á1**, SN 1999, ĐKTT: Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên - nhân viên phòng hành chính nhân sự **Công ty T27**:

Các trường hợp trên không trực tiếp tham gia vào việc triển khai thực hiện hợp đồng giữa **Công ty T27** với MBF8, MBF 9. Công việc chủ yếu là tiếp nhận, tập hợp văn bản để trình **Nguyễn Văn C3** và **Nguyễn Minh T14** ký. Không tham gia, không được trao đổi các nội dung hợp tác với đối tác **M2**. Do đó, không có căn cứ để xác định **Nguyễn Châu T15** và **Trần Xuân Á1** đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với các trường hợp trên.

(10) Đối với **Nhóm các đối tượng ký hợp đồng hợp thức hồ sơ năng lực cho Công ty T27 và Công ty T27**

Bao gồm đại người đại diện pháp luật các công ty: **Công ty TNHH Đ7**; **Công ty Cổ phần C8**; **Công ty TNHH L10**; **Công ty cổ phần C9**; **Công ty Cổ phần X**; **Công ty TNHH T32**; **Công ty TNHH K2**; **Công ty TNHH S2**. Thực tế 7/8 công ty do **Bùi Đức L3** sáng lập, người đại diện pháp luật đều là người thân của **Bùi Đức L3**, 01 công ty là do **Nguyễn Việt Đ3** sáng lập, người đại diện pháp luật là người thân của **Nguyễn Việt Đ3**. Những người đại diện pháp luật của các công ty nêu trên đều được **Bùi Đức L3**, **Đào Thái H9** và **Nguyễn Việt Đ3** đề nghị ký trên cơ sở hợp đồng đã được chuẩn bị sẵn. Những người này hoàn toàn không biết về gì mục đích ký hợp đồng cũng như việc kinh doanh thẻ cào viễn thông của **Công ty T27**. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định các đối tượng này đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với các đối tượng trên trong vụ án này.

(11) Đối với **Trần Nam P4**, SN 1973, ĐKTT: **Số B - D, KP2, H, TP T, TP Hồ Chí Minh** - Phó Giám đốc MBF 8

**Trần Nam P4** nhận chỉ đạo của **Đặng Văn D5** về việc theo dõi, chỉ đạo Phòng KHCN thực hiện thẩm định, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng giữa MBF8 với **Công ty T27**, sau này là **Công ty T27**. Quá trình thực hiện, **P4** 01 lần được **D5** chỉ đạo đi cùng **P3** tới **Ngân hàng V13 - C10** để trao đổi, nắm thông tin từ phía ngân hàng nhằm xác định năng lực tài chính của **Công ty T27**. Sau đó, **P4** giao cho **Trần Thanh P3** chủ động thực hiện việc thẩm định hồ sơ, ký kết, thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc, khó khăn thì báo cáo lại. Quá trình thực hiện, **Trần Thanh P3** báo cáo và xin ý kiến trực tiếp của **Đặng Văn D5**, không báo cáo qua **P4**. Khi thực hiện hợp đồng giữa MBF8 và **Công ty T27**, **Đặng Văn D5** trực tiếp chỉ đạo, điều hành, không giao cho **P4** theo dõi; **P4** không được tham gia nhóm Viber để trao đổi thực hiện hợp đồng giữa MBF8 và **Công ty T27**; sau này khi **Công ty T27** thay thế **Công ty T27**, **P4** cũng không được giao thực hiện các nhiệm vụ liên quan. Bản thân **P4** không được **Đặng Văn D5** trao đổi về phương thức thực hiện hợp đồng giữa MBF8 và **Công ty T27**, **Công ty T27** và không ký hồ sơ, chứng từ liên quan đến hợp đồng giữa MBF 8 và **Công ty T27**, **Công ty T27**. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với **Trần Nam P4**.

(12) Đối với **Đỗ Thị Thu H10**, SN 1976, ĐKTT: 106/1 T, Phường A, Quận G, TP Hồ Chí Minh - Trưởng Phòng KHCN MBF 8

**Đỗ Thị Thu H10** là người ký Tờ trình của Phòng KHCN đề xuất **Đặng Văn D5** ký duyệt Hợp đồng giữa MBF8 với **Công ty T27** và ký duyệt các đơn đặt hàng, lệnh xuất kho, phiếu đề nghị xuất kho của 91 hoá đơn GTGT, với doanh số **74.474.143.801đ** của MBF8 xuất cho **Công ty T27**, **Công ty T27**. Tuy nhiên, trong suốt quá trình triển khai việc ký hợp đồng, thực hiện hợp đồng giữa MBF 8 với T99, T99 Invest, **H10** không được tham gia bàn bạc, trao đổi nội dung gì liên quan đến nội dung hợp tác. Toàn bộ nội dung liên quan đến **Công ty T27**, **Công ty T27**, **Đặng Văn D5** đều trực tiếp chỉ đạo **Trần Thanh P3** thực hiện và báo cáo **D5**, việc **H10** ký các giấy tờ trên do thời điểm đó **Trần Thanh P3** không có mặt tại công ty, hoặc đã chuyển công tác, do đó **H10** ký với tư cách là lãnh đạo phòng KHCN, trên cơ sở nhân viên tập hợp cùng các hồ sơ khác liên quan đến các hoạt động quản lý của Phòng KHCN. Quá trình thực hiện việc ký giấy tờ, **H10** không được **P3** hoặc **D5** trao đổi cụ thể về nội dung quan hệ kinh tế giữa MBF8 với **Công ty T27**, **Công ty T27**, do đó **H10** không có đủ thông tin và điều kiện để biết việc công ty MBF8 xuất hóa đơn GTGT không có hàng hóa cho **Công ty T27**, **Công ty T27**. Bản thân **H10** không được hưởng bất kỳ lợi ích gì từ thực hiện nhiệm vụ này. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với **Đỗ Thị Thu H10**.

(13) Đối với **Hoàng Thị T17**, SN 1990, ĐKTT: Khu phố B, Phường T, TP B, tỉnh **Đồng Nai** - Nhân viên Kế toán theo dõi bán hàng Phòng KHCN MBF 8

Từ tháng 3/2023 đến tháng 8/2023, Thu nhận chỉ đạo của **Đỗ Thị Thu H10** - Trưởng Phòng KHCN MBF 8 về việc thay thế **Nguyễn Thị Minh L6** (nghỉ việc) thực hiện hợp đồng với **Công ty T27**. Hàng ngày, **T17** chỉ tập hợp đơn hàng của MBF các tỉnh, sau đó tổng hợp, gửi lên nhóm **V5**. Sau khi thấy tài khoản của MBF8 báo đã nhận tiền thanh toán của **Công ty T27**, **T17** sẽ nhắn tin lên nhóm báo cho MBF các tỉnh xuất hàng. Căn cứ theo nội dung hợp đồng, việc xuất hoá đơn GTGT sẽ do MBF8 hoặc chi nhánh các tỉnh thực hiện. Theo nhu cầu bán hàng thực tế, với những đơn hàng MBF tỉnh không xuất hoá đơn, **T17** dùng tài khoản được cấp quyền trên hệ thống bán hàng tập trung của MBF8 thao tác xuất hóa đơn GTGT cho **Công ty T27** (hóa đơn GTGT này sau đó được chuyển cho **Công ty T27**). Tổng cộng **T17** đã thực hiện xuất **47** hoá đơn GTGT của MBF8 cho **Công ty T27** với doanh số **26.931.988.612đ**.

Làm việc với cơ quan điều tra, **T17** khai được nhận bàn giao công việc từ **Nguyễn Thị Minh L6**. Khi bàn giao công việc, Lòng không giải thích cụ thể nguyên nhân, lý do mà chỉ hướng dẫn thực hiện, công việc của **T17** nằm trong quy trình do phòng KHCN thực hiện từ trước, theo nhiệm vụ được phân công **T17** tiếp tục thực hiện. Do đó, **T17** không biết bản chất việc hợp tác giữa MBF 8 và **Công ty T27**. Bản thân **T17** không được ai trao đổi, bàn bạc, thỏa thuận và không được hưởng lợi ích gì từ việc này. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với **Hoàng Thị T17**.

(14) Đối với **Lê Văn V4**, SN 1990. ĐKTT: 91/14 khu phố D, Phường T, TP B, tỉnh **Đồng Nai** - Chuyên viên Phòng KHCN Công ty MBF 8

**Lê Văn Vương** nhận chỉ đạo của **Trần Thanh P3** về việc thẩm định hồ sơ năng lực của **Công ty T27**, sau này là CôngT99 Invest. Quá trình thẩm định hồ sơ, **V4** căn cứ vào hồ sơ do **Công ty T27**, **Công ty T27** gửi, trên cơ sở đó đối chiếu với quy định tại Quyết định 18/QĐ-MOBIFONE-KD ngày 07/01/2016 của **Tổng Công ty V8** quy định về Quy trình tuyển chọn, điều hành, quản lý kênh gián tiếp. Trong quá trình thực hiện thẩm định, soạn thảo hợp đồng, **V4** nhận chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của **Trần Thanh P3** và báo cáo kết quả thực hiện cho **P3**, căn cứ hồ sơ đánh giá **Công ty T27** đủ điều kiện trở thành Đại lý theo Quyết định 18/QĐ-MOBIFONE-KD. Sau đó, **V4** soạn thảo hợp đồng theo mẫu, soạn thảo Tờ trình để **Đỗ Thị Thu H10** ký trình **Đặng Văn D5** - Giám đốc MBF8. Giai đoạn thực hiện hợp đồng, **V4** không được giao nhiệm vụ, không tham gia vào thảo luận xây dựng quy trình bán hàng, xuất hoá đơn. Theo chỉ đạo của **P3**, **V4** căn cứ vào số liệu của

trung tâm T33 để tập hợp và soạn thảo các quyết định chiết khấu lần 2 gửi cho các đơn vị liên quan. Bản thân **Lê Văn V4** chỉ thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo và phân công nhiệm vụ chuyên môn; không biết việc **Công ty T27**, **Công ty T27 ứng tiền** cho MBF8 và quy trình thực hiện hợp đồng giữa MBF8, MBF các tỉnh với **Công ty T27**, **Công ty T27**. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với **Lê Văn V4**.

(15) Đối với **Lê Văn K**, SN 1977, ĐKTT: phường H, Quận N, TP . Cần Thơ - Phó Giám đốc MBF 9 và **Đặng Quốc T18**, SN 1978, ĐKTT: khu vực A, Phường H, Quận C, TP . Cần Thơ - Trưởng Phòng KHCN Công ty MBF 9

Là những người ký tờ trình đề xuất ký hợp đồng đại lý với **Công ty T27**, **Công ty T27** trên cơ sở thẩm định và đề xuất của cấp dưới, không trực tiếp tham gia vào quy trình giao nhận hàng, bán hàng và không được trao đổi, bàn bạc với các đối tượng trong vụ án; tài liệu điều tra chưa có cơ sở xác định **K** và **T18** biết về thỏa thuận **ứng tiền**, không bàn giao hàng hóa giữa MBF 9 và **Công ty T27**, **Công ty T27**. Do vậy, chưa có căn cứ xử lý hình sự đối với **Lê Văn K** và **Đặng Quốc T18**.

(16) Đối với các nhân viên khác của Phòng KHCN MBF 9, gồm: **Đỗ Thị Kiều O**, SN 1987, ĐKTT: 52E Hẻm 3, M, Phường X, Quận N, TP Cần Thơ; **Ông Thị Trúc Q1**, SN 2000, ĐKTT: Ngon Thạnh Q2, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng; **Võ Văn Song T20**, SN 1984, ĐKTT: Khu V, Phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

Các nhân viên trên đều có thời gian phối hợp cùng **Nguyễn Hồng L4** theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng KHCN, tham gia vào việc trao đổi, cung cấp thông tin, tiếp nhận đơn hàng giữa **C4 tyT99**, **Công ty T27** và các **Công ty T28**, **Công ty T28** và **Công ty H25**. Tuy nhiên, do họ không được tham gia bàn bạc, thảo luận từ đầu cùng đối tác, mặt khác họ chỉ tham gia thay thế thời gian ngắn khi **L4** không có mặt ở Công ty hoặc tham gia một số khâu công việc nhất định. Tài liệu điều tra chưa có cơ sở xác định các nhân viên này biết về việc **Công ty T27**, **Công ty T27 ứng tiền** cho MBF 9, không nhận hàng hóa. Do vậy chưa có căn cứ xử lý hình sự đối với các trường hợp trên.

(17) Đối với Nhân viên Tổ bán hàng, Tổ Kế toán, nhân viên giao nhận hàng MBF các tỉnh và các nhân viên kế toán, bán hàng tại **Công ty T28**, **Công ty T28**: những người này về mặt khách quan đều có hành vi có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong vụ án khi tham gia vào việc giao nhận hàng, xuất hóa đơn GTGT cho **Công ty T27**, **T27**. Tuy nhiên, quá trình điều tra đến nay xác định các đối tượng chỉ thực hiện đúng phần công việc được phân công, cụ thể: Các nhân viên bán hàng, giao nhận hàng chỉ căn cứ vào lệnh xuất hàng để nhận hàng từ kho, bàn giao cho các khách hàng, điểm bán lẻ trên địa bàn, không biết hoặc tham gia gì

vào việc xuất hóa đơn bán hàng. Các nhân viên kế toán chỉ căn cứ vào hợp đồng đã ký với Công ty T27, C4 tyT99 I và các giao dịch chuyển tiền để thực hiện việc xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty T27, C4 tyT99 Invest, không biết hoặc tham gia gì vào việc giao nhận hàng. Các trường hợp này không trao đổi, thỏa thuận, bàn bạc với các đầu mối đối tác, do đó về nhận thức thì họ không biết hoặc không có điều kiện để biết các hóa đơn GTGT xuất cho Công ty T27, C4 tyT99 Invest là hóa đơn không có hàng hóa. Do vậy chưa có căn cứ xử lý hình sự đối với các trường hợp trên.

**(18) Đối với Giám đốc MBF các tỉnh và các đối tượng được thuê làm người đại diện pháp luật Công ty T28, Công ty T28:** Các trường hợp này về mặt khách quan đều có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong vụ án khi ký xác nhận trên đơn đặt hàng, lệnh xuất hàng của Công ty T27, T27 (đối với Giám đốc MBF các tỉnh), ký hợp đồng với Công ty T27, C4 tyT99 I (đối với Giám đốc của Công ty T28, Công ty T28). Tuy nhiên, quá trình điều tra đến nay xác định đây là những người có vai trò thứ yếu, là cấp dưới, người làm thuê, được trả lương và làm theo sự chỉ đạo, phân công từ cấp trên, không có động cơ vụ lợi cá nhân. Trong quá trình thực hiện hành vi, họ không được tham gia bàn bạc, thỏa thuận hoặc trao đổi các nội dung liên quan đến tội phạm mà chỉ tiếp nhận ý chỉ chỉ đạo và thực hiện các công việc theo sự phân công của cấp trên. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, họ đều có thái độ ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo hành vi của bản thân và những người liên quan góp phần làm sáng tỏ vụ án. Hành vi của những người này tuy có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong vụ án, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các đối tượng này gây ra không đáng kể, không gây thiệt hại về kinh tế cho MobiFone.

Mặt khác, hoạt động mua bán trái phép hoá đơn của MBF 8, MBF 9 chưa gây thiệt hại cho Nhà nước, những trường hợp này tại MBF các tỉnh đều là nhân sự chủ chốt, nhiều kinh nghiệm chuyên môn, đang giữ vai trò rất quan trọng trong việc điều hành hoạt động của hệ thống MBF 8, MBF 9 nói riêng và Tổng Công ty M4 nói chung. Do vậy, nếu xử lý hình sự nhóm các đối tượng này, sẽ tác động rất xấu đến hoạt động kinh doanh của MBF cũng như gây ảnh hưởng không nhỏ đến hệ thống của MBF, đang là một trong những đơn vị viễn thông hàng đầu trực thuộc Ủy ban quản lý vốn nhà nước, có ảnh hưởng rất lớn đến công tác đảm bảo An ninh quốc gia trên lĩnh vực thông tin.

Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, nhằm đảm bảo nguyên tắc phân hóa đối tượng trong quá trình xử lý vụ án, khoan

hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đảm bảo các yêu cầu bảo vệ An ninh quốc gia và giữ gìn TTATXH, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P không đề nghị xem xét xử lý hình sự đối với các trường hợp này, mà có văn bản kiến nghị cơ quan quản lý có thẩm quyền xử lý theo quy định là phù hợp.

(19) Đối với Trần Đức T12 - Phó chủ tịch Tập đoàn A5: Với vai trò Phó Chủ tịch Tập đoàn A5, T12 có mối quan hệ quen biết với Đặng Văn D5 và Phan Tấn N3 thông qua mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa Công ty V9 với MBF. Đồng thời, T12 cũng có mối quan hệ quen biết xã hội với cá nhân với Bùi Đức L3. Quá trình gặp gỡ, trao đổi với L3, T12 được L3 giới thiệu đang sở hữu Công ty T27, có văn phòng kinh doanh trải rộng khắp cả nước. L3 nói với T12 mong muốn xây dựng Công ty T99 thành tập đoàn M5 và muốn chuyển hướng sang lĩnh vực kinh doanh viễn thông, thông qua việc tận dụng các văn phòng sẵn có của Công ty T27 để kinh doanh thẻ cào. Khi L3 biết T12 đang điều hành Tập đoàn A5 có mối quan hệ với các nhà mạng lớn, thì L3 nhờ T12 giới thiệu cho L3 kết nối với các nhà mạng này. Vì vậy, khi biết được MBF 8, MBF 9 đang có nhu cầu tìm kiếm đại lý mới, T12 đã giới thiệu, kết nối để Công ty T27 ký hợp đồng với MBF 8, MBF 9. Bản thân T12 không trực tiếp trao đổi hoặc tham gia vào việc ký kết, thực hiện hợp đồng giữa MBF 8, MBF 9 với Công ty T27, Công ty T27 mà giao cho Lê Quốc H8 làm đầu mối trực tiếp hỗ trợ, trao đổi thông tin và kết nối giữa các bên. Toàn bộ nội dung trao đổi thỏa thuận cụ thể giữa Công ty T27 và MBF 8, MBF 9, sau đó đều do Bùi Đức L3 trực tiếp trao đổi với Đặng Văn D5, hoặc do Lê Quốc H8 trao đổi với các nhân viên của MBF 8, MBF 9, Công ty T27, Công ty T27. Quá trình trao đổi, các nội dung công việc với phía MBF và Công ty T27, Lê Quốc H8 không báo cáo cụ thể về quy trình giao nhận hàng và xuất hóa đơn giữa MBF 8, MBF 9 và Công ty T27, Công ty T27 với T12. Do công việc này không liên quan đến Công ty V9 và không phát sinh gì cần T12 phải giải quyết. Do đó, T12 không biết việc Công ty M4, MBF 9 xuất hóa đơn không có hàng hóa cho Công ty T27, Công ty T27.

Đối với khoản phí 5,5%, đây là khoản tiền T12 và N3 đã thỏa thuận từ đầu là tiền hỗ trợ chi phí lãi vay ngân hàng cho Công ty V9 để có tiền mua hàng cho MBF 9, nhưng sau đó Công ty V9 không mua hàng mà thay vào đó là Công ty T27, nên sau khi nhận được tiền từ đại lý của MBF 9 thông qua Lê Quốc H8, T12 đã chuyển trả cho Bùi Đức L3.

Đối với khoản tiền 0,2%, khi Bùi Đức L3 liên hệ với T12 để nhờ T12 trao đổi với phía MBF về việc Công ty T27 muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng đại lý theo hình thức gửi đơn hàng và thanh toán theo từng ngày. T12 đã nói với L3 việc này

có thể sẽ phát sinh nhiều công việc, nhiều nhân sự tham gia hỗ trợ. Nên T12 và L3 đã cùng trao đổi, thống nhất là Công ty T27 sẽ hỗ trợ khoản phí 0,2% giá trị mỗi đơn hàng cho các nhân viên tham gia hỗ trợ đơn hàng cho Công ty T27. T12 nghĩ tiền hỗ trợ này bao gồm cả phần hỗ trợ cho Lê Quốc H8 là nhân viên của ASIM, được T12 giao làm đầu mối hỗ trợ cho Công ty T27. Vì vậy, số tiền nhận từ Công ty T27, T12 đã chỉ đạo H8 tách riêng 0,1 % chuyển cho MBF 8 thông qua Đặng Văn D5 và trao đổi với MBF 9 thông qua Phan Tấn N3 (N3 chưa nhận số tiền này), đồng thời T12 giữ lại 0,1% để hỗ trợ thêm cho các nhân viên khi cần thiết (trong đó đã trực tiếp chi hỗ trợ thêm cho Lê Quốc H8 vào một số dịp lễ, tết). Đến nay, T12 đã chủ động tự nguyện nộp lại số tiền này cho Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra đến nay, chưa có căn cứ khẳng định Trần Đức T12 biết hoặc tham gia vào việc xuất hóa đơn không có hàng hóa giữa MBF 8, MBF 9 với Công ty T27, Công ty T27. Đồng thời, cũng chưa đủ căn cứ khẳng định Trần Đức T12 chiếm đoạt, sử dụng số tiền 5,5% chi phí lãi vay do MBF 9 trả và 0,1% trên giá trị đơn hàng do Công ty T27 hỗ trợ. Do đó, chưa có căn cứ để xử lý hình sự đối với Trần Đức T12.

Về tính chất, mức độ thiệt hại của hành vi của các Bị cáo: hành vi của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà nước, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.

- Tình tiết tăng nặng: Các Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các Bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

- + Bùi Đức L3: có bố, mẹ để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, có 03 người bác ruột là Liệt sỹ được tặng Bằng Tổ quốc ghi công (Liệt sỹ B, Liệt sỹ Bùi Nê, Liệt sỹ Bùi Thị H19), Công ty cổ phần V7 được Ủy ban T34 tặng nhiều Bằng khen do có đóng góp tích cực cho Q3 “Vì người nghèo”; Bùi Đức L3 có nhiều hoạt động đóng góp, tài trợ cho nhiều đơn vị được vinh danh tấm lòng vàng, như: Tài trợ cho Trung tâm nuôi dạy trẻ em khó khăn TP Đà Nẵng (2021-2022) hơn 700.000.000đ; Trường tiểu học &THCS xã B (2020) gần 400.000.000đ; điểm trường P6- Trường P7 –Lai Châu gần 300.000.000đ...đã được các đơn vị được tài trợ xác nhận bằng văn bản.

+ **Đào Thái H9**: có bà nội là bà **Phạm Thị C5** được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, mẹ đẻ là **Phạm Thị M3** được Chủ tịch **UBND quận Đ** tặng nhiều Giấy khen trong phong trào quần chúng BVANTQ, **Đào Thái H9** có ủng hộ Quỹ đến ơn đáp nghĩa năm 2024 cho địa phương nơi cư trú.

+ **H**: bố đẻ là ông **Hà Quang S** được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì; ông nội **Hà Minh T21** là Liệt sĩ

+ **Trần Thị H12**: Bố đẻ là **Trần Minh T1** được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, được Bộ Trưởng **Bộ G1** tặng thưởng kỉ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, **Nguyễn Thị H20** quá trình học tập được tặng thưởng nhiều giấy khen do có thành tích trong học tập..

+ **Trần Thu H13**: Bố đẻ là ông **Trần Quang T3** được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất.

+ **Đặng Văn D5**: trong quá trình công tác, lao động đã có nhiều thành tích xuất sắc, nhiều năm liền là Chiến sĩ thi đua của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều đóng góp cho hoạt động an sinh xã hội, được **Bộ T35** và **Truyền T22**, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước, **Tổng Công ty M4**, Giám đốc **Công an tỉnh Đ** tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen. Gia đình Bị cáo thuộc diện có công, giàu truyền thống cách mạng; có bố đẻ là ông **Đặng Văn T5** - Nguyên Tổng Cục trưởng **T36** là cán bộ lão thành cách mạng, có nhiều đóng góp trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, được tặng Huân chương độc lập hạng Nhất và phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động.

+ **Trần Thanh P3**: Được **Tổng công ty V8** tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2019, 2020, 2021, 2022”, Chủ tịch **UBND tỉnh B** tặng Bằng khen do có thành tích trong công tác chuyển đổi số năm 2023; có bố đẻ là ông **Trần Văn T6** được Chính phủ, **Bộ G2** tặng nhiều Bằng khen do có thành tích trong công tác sản xuất và kinh doanh.

+ **Nguyễn Thị Minh L6**: có bác ruột **Nguyễn C6** là Liệt sĩ, bác ruột **Nguyễn Văn H21** được Thủ tướng Chính phủ tặng kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đầy.

+ **Phan Tấn N3**: tích cực tham gia đóng góp phòng chống dịch covid 2019 từ năm 2020 đến năm 2021 và nhiệt tình đóng góp kinh phí xã hội hóa công tác hỗ trợ học sinh nghèo khó khăn năm 2022- 2023; tích cực tham gia công tác an sinh xã hội (tài trợ hoàn toàn kinh phí xây dựng cầu bê tông nông thôn tại Tổ nhân dân tự quản số 03 tại **ấp B, xã T**) được **UBND phường H, xã T, quận C, thành phố Cần**

**Thư** ghi nhận và có thư cảm tạ. Được Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở do có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác giai đoạn 2017- 2019, 2020-2022; Bộ trưởng **Bộ V14** tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch năm 2022; Bộ trưởng **Bộ T35** tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc giai đoạn 2013-2015, 2016-2017.

+ **Trần Thị Hồng V3**: Bộ trưởng **Bộ T35** tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc giai đoạn 2014-2015, 2016-2017; Chủ tịch Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua giai đoạn 2016-2018.

+ **Nguyễn Hồng L4**: Chủ tịch Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua giai đoạn 2020-2021.

+ **Trần Minh T16**: có mẹ đẻ là bà **Lê Thị Thanh V** được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Anh hùng lao động theo Quyết định số 481/2004 ngày 29/7/2004, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhì; bố đẻ là **Trần Quốc H5** được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhì.

+ **Trần Nguyễn Quỳnh C2**: Quá trình sinh sống tại địa phương, có nhiều hoạt động từ thiện đóng góp Quỹ an sinh xã hội được **UBND xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang**; **Sở Lao động - Thương binh xã hội thành phố C** xác nhận.

+ **Lê Quốc H8**: có bố đẻ là ông **Lê Xuân Đ2** được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ.

**\*Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng;**

- Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành khám xét tại **Công ty T27, Công ty T27**, thu giữ tài liệu, đồ vật gồm:

+ **06** case máy tính gồm: Nhãn hiệu DELL, số sever 2SS3X63, express service 6093829803; nhãn hiệu HP, số 4CE04223QD; nhãn hiệu Lenovo, số S/N PC1MY1EA; nhãn hiệu Lenovo, số S/N PC1MY47F; nhãn hiệu HP, 4CE04123G2; nhãn hiệu HP, số 4CE04123F6. **345** giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô - xe máy, hồ sơ đề nghị cầm cố xe mô tô; **43** giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; **02** hợp đồng vay tiền giữa **Công ty Cổ phần T27** với ông **Nguyễn Kháng C7**; **02** hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng cổ phần giữa **Công ty Cổ phần T27** và ông **Nguyễn Việt A3**; **11** hợp đồng ủy quyền giữa ông **Vũ Tuấn H22** và **Phạm Thu T23** cho **Đào Thái H9** kèm theo **11** hợp đồng mua, bán căn hộ chung cư; **01** bộ hồ sơ liên quan đến **căn hộ D** (đã thanh lý) giữa ông **Đào Thái H9** và **Công ty cổ phần Q4**; **295** tờ tài liệu là chứng từ kế toán, biên bản đối chiếu, thông báo thuế....; **01** bộ hồ sơ chuyển nhượng phần góp vốn giữa **Nguyễn Ngọc P5** và **Trần Hà T24** và các tài liệu là hóa đơn, chứng từ,

hóa đơn chuyển phát nhanh, sao kê tài khoản ngân hàng, tổng hợp xuất nhập tồn.

+ Đối với **Trần Thị T13** là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án: 01 máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell - P156G, số: ST4M6P7S3, màu ghi bạc, đã sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng, số seri GXQXQ1KGHR (Thu giữ của **Trần Thị T13** theo Biên bản khám xét ngày 09/8/2023). Chiếc máy tính xách tay là của **Công ty Cổ phần D7** giao cho **T13** quản lý và sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của **T13**.

- Đối với Bị cáo **Bùi Đức L3**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, đã qua sử dụng, số seri H6GQN76FTH; 01 thẻ **Ngân hàng V12**, 01 thẻ VISA của **Ngân hàng M6** đều mang tên **Bùi Đức L3** (thu giữ của **Bùi Đức L3** theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản ngày 09/8/2023).

- Đối với Bị cáo **Đào Thái H9**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Iimei 355354081684096, số máy MN4M2B/A, số seri FCCT55GHHFY7 kèm theo sim số 0906612156; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus, màu xanh dương, đã sử dụng, số máy MQ523VN/A, số seri GVVYQ25T9RP (Thu giữ của **Đào Thái H9** theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 09/8/2023).

- Đối với Bị cáo **Hà Khánh Đ4**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 FE số seri RF8T303RANN, màu đen đã qua sử dụng kèm theo sim số thuê bao 0383096836 (Thu giữ của **Hà Khánh Đ4** theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 09/8/2023).

- Quá trình khám xét tại **MBF B**, thu giữ đồ vật, tài liệu gồm: Tạm giữ 01 case máy tính nhãn hiệu Dell (OPTIPLEX 7010) có số seri: 1JML4Y1 đã qua sử dụng; 02 sổ tay cá nhân (giao cho **Bảo Ý D4** là nhân viên hỗ trợ bán hàng quản lý và sử dụng).

- Đối với Bị cáo **Đặng Văn D5**: Tạm giữ số tiền: 435.000.000 VNĐ (*bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng*), hiện đang tạm giữ trong tài khoản tạm giữ của **Công an tỉnh P.**

- Đối với **Trần Đức T12** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Tạm giữ số tiền: 1.704.439.000 VNĐ (*một tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng*), hiện đang tạm giữ trong tài khoản tạm giữ của **Công an tỉnh P.**

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã xác định một số đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các Bị cáo nên ngày 06/10/2023 và

ngày 15/4/2023 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật bằng hình thức:

**Trả lại cho Công ty cổ phần T27 các tài liệu, đồ vật gồm:**

- 345 giấy đăng ký mô tô - xe máy, hồ sơ đề nghị cầm cố; 43 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; 02 hợp đồng vay tiền giữ Công ty Cổ phần T27 với ông Nguyễn Kháng C7; 02 hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng cổ phần giữa Công ty Cổ phần T27 và ông Nguyễn Việt A3; 11 hợp đồng ủy quyền giữa ông Vũ Tuấn H22 và Phạm Thu T23 cho Đào Thái H9 kèm theo 11 hợp đồng mua, bán căn hộ chung cư; 01 bộ hồ sơ liên quan đến căn hộ D (đã thanh lý) giữa ông Đào Thái H9 và Công ty cổ phần Q4; 01 bộ hồ sơ chuyển nhượng phần góp vốn giữa Nguyễn Ngọc P5 và Trần Hà T24; các hồ sơ, tài liệu là các hợp đồng truyền thông, hợp đồng quảng bá thương hiệu, chứng từ liên quan đến hoạt động cho vay, cầm đồ của Công ty T27.

- 03 case máy tính nhãn hiệu DELL, số sever 2SS3X63, express service 6093829803; nhãn hiệu HP, số 4CE04223QD; nhãn hiệu Lenovo, số S/N PC1MY1EA.

**Trả lại cho Bị cáo Bùi Đức L3:**

- 01 thẻ ATM mở tại Ngân hàng V12, 01 thẻ visa mở tại Ngân hàng M6, đều mang tên Bùi Đức L3.

**\* Kết quả xác minh tài sản của các Bị cáo xác định:**

+ Bị cáo Bùi Đức L3 có 01 thửa đất số 44 tờ bản đồ số 63, địa chỉ Lô E+6+27+28 Phân khu B3, khu Đảo Nổi K, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, diện tích 1576,9m<sup>2</sup> do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho ông Bùi Đức L3.

+ Bị cáo Hà Khánh Đ4: có 01 căn nhà loại nhà ở căn hộ chung cư số 702 tại thửa đất số CT8 khu Đô thị D diện tích 123,6m<sup>2</sup> do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn D và bà Hà Khánh Đ4.

+ Bị cáo Trần Thị H12: có 01 căn nhà ở loại căn hộ chung cư tại số A Tòa nhà A (tòa nhà N) diện tích sàn 98,6m<sup>2</sup> địa chỉ ô đất N02, nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại, văn phòng, số D đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp cho ông Nguyễn Tài T2 và bà Trần Thị H12.

+ Bị cáo Đặng Văn D5 có 01 thửa đất số 107 tại tờ bản đồ số 63 diện tích 102,9m<sup>2</sup>, địa chỉ D, đường C, phường A, quận A, TP Hồ Chí Minh. Do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố H cấp ngày 31/8/2018 cho ông Đặng Văn D5 và

bà **Đặng Thị Hải Y**.

+ Bị cáo **Trần Nguyễn Quỳnh C2**: có 01 thửa đất số 10487 tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại **Khu tái định cư K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ**. Do **Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C** cấp ngày 02/8/2016 cấp cho **Công ty Cổ phần T37** (chuyển nhượng cho **C2** ngày 01/8/2019)

+ Bị cáo **Trần Thị Hồng V3**: có 01 thửa đất số 2660, tờ bản đồ số 35 diện tích 45,72m<sup>2</sup> tại **khu dân cư I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ**. Do **UBND quận N** cấp ngày 20/12/2013 cho ông **Trần Minh D2** và bà **Trần Thị Hồng V3**.

+ Bị cáo **Nguyễn Hồng L4**: có 01 thửa đất số 1762, tờ bản đồ số 33 diện tích 60m<sup>2</sup> tại **khu tái định cư P, quận C, thành phố Cần Thơ**. Do **Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C** cấp ngày 14/02/2017 cho ông **Mai Tấn P2** và bà **Nguyễn Hồng L4**.

Các Bị cáo: **Trần Thanh P3, Nguyễn Thị Minh L6, Lê Quốc H8** hiện ở cùng bố mẹ không có tài sản riêng.

*b) Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:*

Tại Bản cáo trạng số: 44/CT - VKS-P1 ngày 18/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố:

- Các bị cáo **Đặng Văn D5, Phan Tấn N3** về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo **Bùi Đức L3, Đào Thái H9, Hà Khánh Đ4, Trần Thị H12, Trần Thu H13, Trần Thanh P3, Nguyễn Thị Minh L6, Trần Thị Hồng V3, Nguyễn Hồng L4, Trần Nguyễn Quỳnh C2, Trần Minh T16, Lê Quốc H8** về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

**a) Về trách nhiệm hình sự:**

**Đề nghị tuyên bố:**

+ Các bị cáo **Đặng Văn D5, Phan Tấn N3, Bùi Đức L3, Đào Thái H9, Hà Khánh Đ4, Trần Thị H12, Trần Thu H13, Trần Thanh P3, Nguyễn Thị Minh L6, Trần Thị Hồng V3, Nguyễn Hồng L4, Trần Nguyễn Quỳnh C2, Trần Minh T16, Lê Quốc H8** phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự;

**- Về hình phạt chính:**

+ **Đối với bị cáo Đặng Văn D5**: Áp dụng điểm b, d Khoản 2 Điều 203; điểm s, v Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 35 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ **400-450** triệu đồng.

+ **Đối với bị cáo Phan Tấn N3**: Áp dụng điểm b, d Khoản 2 Điều 203; điểm s, v Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 35 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo phạt từ **400-450** triệu đồng.

+ **Đối với bị cáo Bùi Đức L3**: Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 203; điểm s, v Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 35 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ **400-450** triệu đồng.

+ **Đối với bị cáo Đào Thái H9**: Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 203; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 35 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ **250-300** triệu đồng;

+ **Đối với các bị cáo Trần Thanh P3, Trần Thị Hồng V3**: Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 203; điểm s, v Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 35 của BLHS, đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ **250-300** triệu đồng;

+ **Đối với các bị cáo Hà Khánh Đ4, Trần Thị H12, Lê Quốc H8**: Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 203; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 35 của BLHS, đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ **220-250** triệu đồng.

+ **Đối với các bị cáo Trần Thu H13, Nguyễn Thị Minh L6, Trần Nguyễn Quỳnh C2, Trần Minh T16**: Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 203; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 35 của BLHS, đề nghị xử phạt mỗi bị cáo 200 triệu đồng.

+ **Đối với bị cáo Nguyễn Hồng L4**: Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 203; điểm s, n Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 35 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo 200 triệu đồng.

- **Về hình phạt bổ sung**: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

**b) Về xử lý vật chứng và đồ vật đã tạm giữ**: Áp dụng Khoản 1 Điều 47, Điều 48 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS đề nghị:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền:

+ 2.078.511.015 đồng đã tạm giữ của **Trần Đức T12** và bị can **Đặng Văn D5**.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus, màu xanh dương, đã sử dụng, số máy MQ523VN/A, số seri GVVYQ25T9RP của **Đào Thái H9**.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 FE số seri RF8T303RANN, màu đen đã qua sử dụng kèm theo sim số thuê bao 0383096836 của **Hà Khánh Đ4**.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, đã qua sử dụng, số seri H6GQN76FTH.

+ 01 case máy tính nhãn hiệu Dell (OPTIPLEX 7010) có số seri: 1JML4Y1, đã qua sử dụng (thu giữ của Bảo Ý Duyên theo Biên bản khám xét ngày 09/8/2023)

- Trả lại cho:

+ Bị cáo **Đào Thái H9**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imei 355354081684096, số máy MN4M2B/A, số seri FCCT55GHHFY7 kèm theo sim số 0906612156;

+ Bị cáo **Đặng Văn D5** số tiền 60.927.985 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ **Công ty T27**: 03 case máy tính nhãn hiệu: Lenovo, số S/N PC1MY47F; HP, số 4CE04123G2; HP, số 4CE04123F6;

+ Bà **Trần Thị T13**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng, số seri GXQXQ1KGHR và 01 máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell - P156G, số: ST4M6P7S3, màu ghi bạc, đã sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

**c) Về án phí:** Áp dụng Điều 135 BLTTHS, Điều 21 NQ 326 ngày 30/12/2016 của UBTTV QH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Luật sư **Nguyễn Hoài N** – người bào chữa cho bị cáo **Phan Tấn N3** phát biểu quan điểm bào chữa: Về tội danh, nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 cho bị cáo **Phan Tấn N3** và các bị cáo khác. Đối với bị cáo **Phan Tấn N3**, đề nghị HĐXX áp dụng điểm h,s,v khoản 1 Điều 51, khoản 2, 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Tấn N3** hình phạt cảnh cáo.

Tại phiên tòa, Luật sư **Lưu Ngọc N1** và Luật sư **Trịnh Xuân T10** – người bào chữa cho bị cáo **Trần Nguyễn Quỳnh C2** phát biểu quan điểm bào chữa: Về tội danh, nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 cho bị cáo **Trần Nguyễn Quỳnh C2**. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm h,s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Nguyễn Quỳnh C2** dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Luật sư **Ngô Thị Hoàng A1** – người bào chữa cho bị cáo **Trần Thị Hồng V3** và bị cáo **Nguyễn Hồng L4** vắng mặt khi tranh luận, gửi bài bào chữa cho HĐXX phát biểu quan điểm bào chữa: Về tội danh, đề nghị HĐXX xem xét bị cáo **Trần Thị Hồng V3** và bị cáo **Nguyễn Hồng L4** có đồng phạm với bị cáo **Phan Tấn N3** hay không? Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX áp dụng các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Trần Thị Hồng V3**, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, n, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Hồng L4**. Về hình phạt, áp dụng Điều 54, khoản 1, 2 Điều 58, Điều 59 đề nghị miễn hình phạt cho các bị cáo **Trần Thị Hồng V3** và **Nguyễn Hồng L4** theo chính sách hình sự khoan hồng đặc biệt.

*Các bị cáo nói lời sau cùng:* Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra **Công an tỉnh P**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo **Đặng Văn D5**, **Phan Tấn N3**, **Bùi Đức L3**, **Đào Thái H9**, **Hà Khánh Đ4**, **Trần Thị H12**, **Trần Thu H13**, **Trần Thanh P3**, **Nguyễn Thị Minh L6**, **Trần Thị Hồng V3**, **Nguyễn Hồng L4**, **Trần Nguyễn Quỳnh C2**, **Trần Minh T16**, **Lê Quốc H8** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và vật chứng thu giữ được; cùng các tài liệu khác có lưu trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận, xuất phát từ nhu cầu nâng doanh số kinh doanh để lập hồ sơ vay vốn ngân hàng, quảng bá hệ thống T99 và đủ điều kiện để lập hồ sơ IPO của Công ty T99 và **T27** và nhu cầu cần có đủ tiền để thanh toán cho các đơn hàng trừ thẻ cào nhằm đảm bảo kế hoạch kinh doanh do **Tổng Công ty M4** giao cho MBF 8 và MBF 9, từ tháng 12 năm 2021, **Bùi Đức L3**- người trực tiếp

điều hành hoạt động của Công ty T27 đã thông qua Trần Đức T12 nhờ T12 hỗ trợ, kết nối với các nhà mạng viễn thông lớn để hợp tác nhằm nâng doanh số kinh doanh cho Công ty T27. T12 đồng ý và giao cho Lê Quốc H8- Kế toán trưởng của Công ty cổ phần A4 để trao đổi, thống nhất với Đặng Văn D5- Giám đốc MBF8 và Phan Tấn N3- Giám đốc MBF9 về việc: Công ty T27 sẽ ứng tiền cho MBF 8 không tính chi phí lãi vay và ứng tiền cho MBF 9 với lãi vay 5,5%, đổi lại MBF 8, MBF 9 có trách nhiệm bán thẻ, hoàn trả vốn cho Công ty T27, T27 và xuất hóa đơn GTGT “khống” (không có hàng hóa kèm theo) cho Công ty T27 và T27. Để triển khai thực hiện thỏa thuận này giữa các bên, Bùi Đức L3 đã chỉ đạo Đào Thái H9 chỉ đạo các nhân viên dưới quyền là Hà Khánh Đ4- Kế toán trưởng của Công ty T27, Trần Thị H12- Kế toán trưởng của Công ty T27 và Trần Thu H13- Nhân viên kế toán Công ty T27 từ tháng 8/2022 đến tháng 01/2023 thực hiện việc tiếp nhận hóa đơn GTGT từ các Công ty M4 để hạch toán đầu vào, sau đó xuất hóa đơn GTGT không có hàng hóa cho khách lẻ, các pháp nhân là đại lý bán lẻ thuộc MBF 8 và 3 đại lý của MBF 9 để triệt tiêu hàng tồn kho. Đặng Văn D5 đã chỉ đạo Trần Thanh P3- Phó phòng KHCN và Đỗ Thị Thu H10- Trưởng phòng KHCN và Nguyễn Thị Minh L6- nhân viên Phòng KHCN của M4; Phan Tấn N3 đã chỉ đạo Trần Thị Hồng V3- Phó trưởng phòng KHCN và Nguyễn Hồng L4 - Tổ trưởng tổ bán hàng Phòng KHCN của MBF9, chỉ đạo MBF các tỉnh thuộc MBF 8, MBF 9 và 03 đại lý thuộc MBF 9( người đại diện là Trần Nguyễn Quỳnh C2 và Trần Minh T16) thực hiện việc thanh toán, xuất hóa đơn, hợp thức cho việc trả tiền lại Công ty T27, Công ty T27. Với phương thức trên, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 8/2023, MBF 8 và MBF 9 xuất bán trái phép cho Công ty T27 và Công ty T27 tổng số 3.763 tờ hóa đơn GTGT khống (không có hàng hoá kèm theo) với tổng doanh số ghi trên hoá đơn là 1.898.864.701.604đ.

Đặng Văn D5 với vai trò là Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành MBF 8 và Trần Thanh P3 với vai trò giúp sức, trực tiếp hướng dẫn chi nhánh M4 các tỉnh trực thuộc MBF 8, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 8/2023, xuất tổng số 1.617 tờ hoá đơn GTGT không có hàng hoá, với tổng doanh số là 990.844.985.401đ cho Công ty T27 và T27 (Trong đó, M4 254 hóa đơn; M4 191 hóa đơn; M4 225 hóa đơn; M4 225 hóa đơn; M4 78 hóa đơn; MBF L 143 hóa đơn; MBF Ninh Thuận 105 hóa đơn; M4 144 hóa đơn; MBF B 156 hóa đơn; Công ty M4 trực tiếp xuất 96 hóa đơn). Nguyễn Thị Minh L6 là người thực hiện chỉ đạo của Trần Thanh P3, mặc dù biết bản chất Công ty T27, Công ty T27 chỉ tham gia vào ứng tiền thanh toán, còn hàng hóa (thẻ cào) vẫn do chi nhánh MBF các tỉnh tự đi

bán, thu tiền rồi chuyển khoản trả lại **Công ty T27**, T99 Invest, nhưng vẫn tham gia trong quy trình tập hợp đơn hàng, theo dõi thanh toán, thông báo xuất hàng, xuất hóa đơn không có hàng hóa của MBF các tỉnh và MBF8 cho T99 trong thời gian từ tháng 7/2022 đến ngày 01/3/2023 và trực tiếp thao tác xuất 49 hóa đơn GTGT không có hàng hóa của MBF8 cho **Công ty T27**, T99 Invest tương đương 51.730.315.189đ. Toàn bộ hóa đơn, MBF 8 đã báo cáo doanh thu và kê khai thuế. Trong số này, có **37** tờ hóa đơn với doanh số **12.541.824.000đ**, qua điều tra xác định do MBF 8 xuất nhằm cho **Công ty T27**, CôngT99 Invest. Đây là khoản doanh thu bán hàng, do các nhân viên của MBF 8 thu tiền bán hàng và nộp trực tiếp vào tài khoản của MBF 8, nhưng MBF 8 không xuất hóa đơn bán lẻ mà vẫn xuất cho **Công ty T27**, **Công ty T27**. Các hóa đơn này, **C4** tyT99, **Công ty T27** không hạch toán kê khai.

**Phan Tấn N3** với vai trò là Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành **Trần Thị Hồng V3** và **Nguyễn Hồng L4** trao đổi với các đầu mối của **Công ty T27** để thống nhất phương án ứng tiền của T99 mua thẻ cào, xuất hóa đơn GTGT không có hàng hóa cho **Công ty T27**; Trực tiếp trao đổi, thỏa thuận với **Lê Quốc H8** về việc xử lý đơn hàng. Do vậy, **V3** và **L4** đều biết được bản chất hợp tác giữa MBF9 với T99 (sau này là T99 Invest) chỉ là hoạt động ứng tiền không có giao nhận hàng và xuất hóa đơn GTGT không có hàng hóa cho T99, nhưng vẫn giúp sức cho **Phan Tấn N3**. Từ tháng 12/2021 đến tháng 8/2023, MBF9 và các chi nhánh trực thuộc đã xuất cho **Công ty T27** và **Công ty T27** tổng số **2.146** tờ hóa đơn GTGT không có hàng hóa, với tổng doanh số là **920.561.540.200đ** (Trong đó, **M4 123** hóa đơn; **M4 264** hóa đơn; **M4 204** hóa đơn; **M4 170** hóa đơn; **M4 125** hóa đơn; **M4 42** hóa đơn; **M4 146** hóa đơn; **M4 382** hóa đơn; **M4 201** hóa đơn; **M4 27** hóa đơn; **M4 180** hóa đơn; **M4 264** hóa đơn, **Công ty M4** 9 trực tiếp xuất **18** hóa đơn). Toàn bộ hóa đơn xuất, MBF 9 và các chi nhánh đã báo cáo doanh thu, kê khai thuế.

**Trần Nguyễn Quỳnh C2** là người thành lập, điều hành mọi hoạt động của 2 Công ty T28, Công ty T28 (là 02 đại lý bán hàng của Công ty M4). Theo đề nghị của Công ty M4 (thông qua **Trần Thị Hồng V3** và **Nguyễn Hồng L4**), **Trần Nguyễn Quỳnh C2** đã chỉ đạo **Phạm Triều K1** và **Lý Chung N4** - là 2 người được **C2** thuê đứng tên Giám đốc Công ty T28, Công ty T28 ký các hợp đồng mua thẻ cào với Công ty T27, Công ty T27; Chỉ đạo các nhân viên cấp dưới cung cấp thông tin người nhận hàng, cung cấp đơn hàng cho Công ty T27, Công ty T27 nhằm hợp thức việc mua hàng giữa Công ty T27, Công ty T27 với MBF 9; Chỉ đạo các nhân viên nhận hàng tại kho của MBF 9 đi bán, trả tiền và nhận hóa đơn từ Công ty T27,

T99 Invest dù thực tế Công ty T28, H không có hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ gì với Công ty T27 và Công ty T27. Bằng cách làm này, Trần Nguyễn Quỳnh C2 đã giúp cho cho MBF 9 hợp thức việc xuất hóa đơn “khống” không có hàng hóa cho Công ty T27, Công ty T27, giúp cho T99, T99 Invest triệt tiêu nguồn tồn kho hàng hóa do sử dụng hóa đơn không có hàng hóa của MBF 9. Các Công ty do C2 điều hành đã tiếp nhận 589 tờ hóa đơn với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 720.056.324.550đ từ Công ty T27, Công ty T27.

Trần Minh T16 là Giám đốc - người đại diện pháp luật của Công ty TNHH H25 (là đại lý bán hàng của Công ty M4). Trước khi ký hợp đồng mua bán thẻ cào với Công ty T27, Công ty H25 đang là đại lý ký hợp đồng trực tiếp với Công ty M7 và thực hiện việc mua hàng thẻ cào của MBF9 theo hình thức thanh toán tiền trước, nhận hàng sau. Từ tháng 7/2022, nhằm mục đích tăng doanh số bán hàng và theo đề nghị của Công ty M4 (thông qua Nguyễn Hồng L4) Trần Minh T16 đã ký các hợp đồng mua thẻ cào với Công ty T27 (sau đó là Công ty T27). Trước đó, thông qua trao đổi với L4, T16 đã biết việc Công ty T27 là đại lý có ký hợp đồng với MBF9, đồng thời Công ty T27 chấp nhận ứng tiền thanh toán đơn hàng cho MBF9 để Công ty H25 nhận hàng từ MBF9 trước và trả lại tiền cho Công ty T27 vào ngày hôm sau. Công ty H25 vẫn nhận hàng trực tiếp từ các kho của MBF9 nhưng không thanh toán tiền và nhận hóa đơn bán hàng từ MBF9, thay vào đó công ty H25 sẽ trả tiền và nhận hóa đơn từ công ty T27, T99 Invest. Để hợp thức cho việc nhận hàng, theo hướng dẫn của Nguyễn Hồng L4, Trần Minh T16 đã chỉ đạo các nhân viên cấp dưới cung cấp thông tin người nhận hàng, cung cấp đơn hàng cho Công ty T27, Công ty T27 để các công ty này làm giấy giới thiệu cho các nhân viên của T16 đến nhận hàng tại kho của MBF9 với tư cách là nhân viên của công ty T27, T99 Invest dù các nhân viên này không có quan hệ, hiểu biết gì với Công ty T27, T27. Sau đó tổ chức bán hàng, trả tiền và nhận hóa đơn từ Công ty T27, Công ty T27 dù thực tế giữa công ty H25 và công ty T27, T27 không có hoạt động mua bán hàng hóa, không có hồ sơ, thủ tục bàn giao hàng giữa T99, T99 Invest với Công ty H25. Là giám đốc, người đại diện pháp luật của công ty H25, đồng thời đã có thời gian kinh doanh thẻ cào với MBF9 từ trước đó, bản thân H8 có đủ năng lực, điều kiện, khả năng để nhận thức được Công ty T27, T99 Invest không mua bán hàng, không nhận hàng từ MBF9 mà chỉ ứng tiền thanh toán đơn hàng cho Công ty H25 và nhận hóa đơn từ MBF9 sau đó xuất cho Công ty H25, tuy nhiên H8 vẫn thực hiện các hành vi trên qua đó giúp cho MBF9 hợp thức việc xuất hóa đơn “khống” không có hàng hóa cho Công ty T27, Công ty T27, giúp cho T99,

**Công ty T27** triệt tiêu nguồn tồn kho hàng hóa do sử dụng hóa đơn không có hàng hóa của MBF 9. **Công ty H25** do **T16** điều hành đã tiếp nhận 165 tờ hóa đơn với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 209.492.577.770đ từ **Công ty T27**, **Công ty T27**. Hành vi của Bị cáo **Trần Minh T16** đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự với vai trò là đồng phạm giúp sức.

**Bùi Đức L3** với vai trò là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của **Công ty T27** và **Công ty T27** đã thoả thuận, thống nhất với **Đặng Văn D5** và **Phan Tấn N3** về việc **Công ty T27** (sau này là **Công ty T27**) ứng tiền mua thẻ cào vật lý cho MBF8 và MBF9 để MBF8 và MBF9 xuất hoá đơn GTGT khống cho **Công ty T27** (sau này là **Công ty T27**); Đã phân công cho **Đào Thái H9** trực tiếp chỉ đạo **Trần Thị H12** chỉ đạo việc tiếp nhận, hạch toán hóa đơn GTGT không có hàng hóa của MBF 8, MBF 9. **Trần Thị H12** đã chỉ đạo nhân viên kế toán **Công ty T27** xuất hóa đơn GTGT cho khách lẻ, các pháp nhân là đại lý bán lẻ thuộc MBF 8 và 3 đại lý là **Công ty T28**, **Công ty T28** và **Công ty H25** để triệt tiêu hàng tồn kho. **Trần Thị H12** đã trực tiếp tiếp nhận, hạch toán **1547** tờ hóa đơn GTGT với tổng doanh số **970.844.259.873đ** do MBF 8, MBF 9 xuất; Chỉ đạo nhân viên kế toán xuất **717** hóa đơn GTGT với tổng doanh số **846.195.747.434đ** cho khách lẻ, các pháp nhân là đại lý bán lẻ thuộc MBF 8 và cho các **Công ty T28**; Hưng Thạnh

**Hà Khánh Diệp** trực tiếp thực hiện việc tiếp nhận, hạch toán hóa đơn GTGT không có hàng hóa từ MBF8, MBF9. Trên cơ sở hạch toán hóa đơn đầu vào, **Đ5** xuất hóa đơn cho khách lẻ, các pháp nhân là đại lý bán lẻ thuộc MBF8 và 03 đại lý của MBF9 là **Công ty T28**, **Công ty T28**, **Công ty H25** để triệt tiêu hàng tồn kho. Từ tháng 01/2023 đến tháng 7/2023, **Đ5** đã tiếp nhận, hạch toán 2.188 tờ hóa đơn GTGT với tổng doanh số 932.625.634.848đ của MBF8 và MBF9 và xuất 674 tờ hóa đơn GTGT với tổng doanh số 935.063.445.264đ cho khách lẻ, các pháp nhân là đại lý bán lẻ thuộc MBF8 và các **Công ty T28**, **Công ty T28**, **Công ty H25**.

**Trần Thu H13** được **Trần Thị H12** chỉ đạo tiếp nhận thông tin đơn hàng từ MBF 8 và 3 đại lý là **Công ty T28**, **Công ty T28**, **Công ty H25**, từ đó để chỉnh sửa thành đơn hàng của **Công ty T27** để gửi cho MBF 8, MBF 9, làm cơ sở cho MBF 8, MBF 9 xuất hóa đơn GTGT không có hàng hóa cho **Công ty T27**. Trên cơ sở cân đối sổ sách hóa đơn GTGT do MBF 8, MBF 9 xuất, **Trần Thu H23** tiếp xuất hóa đơn GTGT cho các khách lẻ, các pháp nhân là khách lẻ thuộc MBF 8 và 3 đại lý là **Công ty T28**, **Công ty T28** và **Công ty H25** để triệt tiêu hàng tồn kho. Từ ngày 15/9/2022 đến ngày 30/12/2022, **Trần Thu H13** tiếp nhận **1378** hóa đơn GTGT với tổng doanh

số **492.990.513.196 đ** của MBF 8 và MBF 9. Trên **cơ sở C11**, **Trần Thu H13** trực tiếp xuất **505** hóa đơn GTGT với tổng doanh số **498.608.002.671đ** cho khách lẻ, các pháp nhân là đại lý bán lẻ thuộc MBF 8 và các **Công ty T28, H, H**.

**Lê Quốc H8** được **Trần Đức T12** giao làm đầu mối liên hệ, trao đổi giữa MBF 9, MBF 9 với **Công ty T27** (sau này là T99 Invest) và hỗ trợ các Công ty này trong quá trình ký kết hợp đồng cũng như triển khai thực hiện hợp đồng. Trong quá trình thực hiện công việc, **H8** đã trực tiếp trao đổi với các nhân viên của **Công ty T27, Công ty T27** và MBF 8, MBF 9, đồng thời đóng vai trò là người trung gian, nhận, gửi tài liệu, thông tin giữa 2 phía; trực tiếp tham gia vào việc trao đổi, thỏa thuận, thống nhất về quy trình xuất hóa đơn GTGT “khống” (không có hàng hóa) giữa MBF 8, MBF 9 với **Công ty T27, Công ty T27**. **H8** biết rõ việc MBF 8, MBF 9 và **Công ty T27, Công ty T27** không mua bán hàng hóa mà chỉ xuất hóa đơn GTGT “khống” cho nhau, nhưng vẫn trực tiếp tham gia trao đổi, thỏa thuận và hướng dẫn các bên thực hiện việc này.

Toàn bộ số hóa đơn GTGT nhận từ MBF 8 và MBF 9, **Công ty T27** và **Công ty T27** đã hạch toán và ghi nhận doanh thu vào báo cáo tài chính, kê khai với Cơ quan thuế để nâng doanh số kinh doanh cho **Công ty T27** và **Công ty T27**.

Hành vi nêu trên của các bị cáo **Đặng Văn D5, Phan Tấn N3** đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của các bị cáo **Bùi Đức L3, Đào Thái H9, Hà Khánh Đ5, Trần Thị H12, Trần Thu H13, Trần Thanh P3, Nguyễn Thị Minh L6, Trần Thị Hồng V3, Nguyễn Hồng L4, Trần Nguyễn Quỳnh C2, Trần Minh T16, Lê Quốc H8** đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

**Điều 203 Bộ luật Hình sự: Tội in, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước quy định:**

*“1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a,...

b, Lợi dụng, chức vụ quyền hạn;

...;

d, Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên;”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét tính chất vụ án Mua bán trái phép hóa đơn là nghiêm trọng; Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định trong lĩnh vực tài chính quản lý và sử dụng hóa đơn GTGT của Nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, gây ảnh hưởng tiêu cực trong đời sống xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; động cơ, mục đích muốn nâng doanh số khổng lồ để lập hồ sơ vay vốn ngân hàng, chứng minh năng lực tài chính không có thực. Do vậy cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Các bị cáo trong vụ án đều thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ nên không coi là có tổ chức.

- Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Bùi Đức L3:** có bố, mẹ đã được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, có 03 người bác ruột là Liệt sỹ được tặng Bằng Tổ quốc ghi công (Liệt sỹ B, Liệt sỹ Bùi Nê, Liệt sỹ Bùi Thị H19), Công ty cổ phần V7 được Ủy ban T34 tặng nhiều Bằng khen do có đóng góp tích cực cho Q3 “Vì người nghèo”; Bùi Đức L3 có nhiều hoạt động đóng góp, tài trợ cho nhiều đơn vị được vinh danh tấm lòng vàng, như: Tài trợ cho Trung tâm nuôi dạy trẻ em khó khăn TP Đà Nẵng (2021-2022) hơn 700.000.000đ; Trường tiểu học &THCS xã B (2020) gần 400.000.000đ; điểm trường P6- Trường P7 -Lai Châu gần 300.000.000đ...đã được các đơn vị được tài trợ xác nhận bằng văn bản.

Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Đào Thái H9:** có bà nội là bà Phạm Thị C5 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, mẹ đẻ là Phạm Thị M3 được Chủ tịch UBND quận Đ tặng nhiều Giấy khen trong phong trào quần chúng BVANTQ, Đào Thái H9 có ủng hộ Quỹ đến ơn đáp nghĩa năm 2024 cho địa phương nơi cư trú.

Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Hà Khánh Đ5:** bố đẻ là ông Hà Quang S được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì; ông nội Hà Minh T21 là Liệt sĩ. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Trần Thị H12:** Bố đẻ là Trần Minh T1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, được Bộ Trưởng Bộ G1 tặng thưởng kỉ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, Nguyễn Thị H20 quá trình học tập được tặng thưởng nhiều giấy khen do có thành tích trong học tập. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Trần Thu H13:** Bố đẻ là ông Trần Quang T3 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Đặng Văn Đ5:** Trong quá trình công tác, lao động đã có nhiều thành tích xuất sắc, nhiều năm liền là Chiến sĩ thi đua của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều đóng góp cho hoạt động an sinh xã hội, được Bộ T35 và Truyền T22, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước, Tổng Công ty M4, Giám đốc Công an tỉnh Đ tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen. Gia đình Bị cáo thuộc diện có công, giàu truyền thống cách mạng; có bố đẻ là ông Đặng Văn T5 - Nguyên Tổng Cục trưởng T36 là cán bộ lão thành cách mạng, có nhiều đóng góp trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, được tặng Huân chương độc lập hạng Nhất và phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Trần Thanh P3:** Được Tổng công ty V8 tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2019, 2020, 2021, 2022”, Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen do có thành tích trong công tác chuyển đổi số năm 2023; có bố đẻ là ông

**Trần Văn T6** được Chính phủ, **Bộ G2** tặng nhiều Bằng khen do có thành tích trong công tác sản xuất và kinh doanh. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh L6:** có bác ruột **Nguyễn C6** là Liệt sĩ, bác ruột **Nguyễn Văn H21** được Thủ tướng Chính phủ tặng kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đầy. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Phan Tấn N3:** tích cực tham gia đóng góp phòng chống dịch covid 2019 từ năm 2020 đến năm 2021 và nhiệt tình đóng góp kinh phí xã hội hóa công tác hỗ trợ học sinh nghèo khó khăn năm 2022- 2023; tích cực tham gia công tác an sinh xã hội (tài trợ hoàn toàn kinh phí xây dựng cầu bê tông nông thôn tại Tổ nhân dân tự quản số 03 tại **ấp B, xã T**) được **UBND phường H, xã T, quận C, thành phố Cần Thơ** ghi nhận và có thư cảm tạ. Được Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở do có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác giai đoạn 2017- 2019, 2020-2022; Bộ trưởng **Bộ V14** tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch năm 2022; Bộ trưởng **Bộ T35** tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc giai đoạn 2013-2015, 2016-2017. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Trần Thị Hồng V3:** Bộ trưởng **Bộ T35** tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc giai đoạn 2014-2015, 2016-2017; Chủ tịch Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua giai đoạn 2016-2018. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Nguyễn Hồng L4:** Trong quá trình công tác đã được Chủ tịch Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại **doanh nghiệp T38** diễu chiến sỹ thi đua giai đoạn 2020-2021; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi bị cáo đang mang thai. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Trần Minh T16:** có mẹ đẻ là bà **Lê Thị Thanh V** được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Anh hùng lao động theo Quyết định số 481/2004 ngày 29/7/2004, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhì; bố đẻ là **Trần Quốc H5** được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhì. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Trần Nguyễn Quỳnh C2:** Quá trình sinh sống tại địa phương, có nhiều hoạt động từ thiện đóng góp Quỹ an sinh xã hội được UBND xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang; Sở Lao động - Thương binh xã hội thành phố C xác nhận. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Đối với bị cáo Lê Quốc H8:** có bố đẻ là ông Lê Xuân Đ2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đặng Văn D5, Bùi Đức L3, Phan Tấn N3, Trần Thanh P3, Trần Thị Hồng V3, Nguyễn Hồng L4 đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đào Thái H9, Hà Khánh Đ5, Trần Thị H12, Trần Thu H13, Nguyễn Thị Minh L6, Trần Nguyễn Quỳnh C2, Trần Minh T16, Lê Quốc H8 đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo, HĐXX xét thấy: Trong vụ án trên, do hành vi phạm tội của các bị cáo đã bị phát hiện, ngăn chặn kịp thời nên chưa gây ra hậu quả lớn, thất thoát cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, các bị cáo đã mua bán số lượng hóa đơn rất lớn với số lượng **3.763** tờ hóa đơn GTGT khổng (không có hàng hoá kèm theo) với tổng doanh số ghi trên hoá đơn là **1.898.864.701.604đ**. Mặc khác, đối với tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự không quy định hậu quả về mặt vật chất là yếu tố cấu thành tội phạm nên khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là tội phạm đã hoàn thành và đã xâm phạm đến các quy định về quản lý hành chính nhà nước. trong lĩnh vực tài chính quản lý và sử dụng hóa đơn GTGT. Do vậy, không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

Đối với đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51

của Bộ luật hình sự của Luật sư bào chữa cho bị cáo **Trần Thị Hồng V3** và **Nguyễn Hồng L4**, HĐXX xét thấy: Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, Tình tiết “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” được hiểu là trường hợp người phạm tội có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, giúp các cơ quan này phát hiện thêm tội phạm mới hoặc đồng phạm mới. Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo **Trần Thị Hồng V3** và **Nguyễn Hồng L4** đều thành khẩn khai báo về hành vi của mình, những lời khai đó phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án chứ không có ý nghĩa trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án hay giúp phát hiện thêm các tội phạm mới, đồng phạm mới. Do vậy, các bị cáo **Trần Thị Hồng V3** và **Nguyễn Hồng L4** được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, không có căn cứ để áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51

Sau khi xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo thấy rằng: Các bị cáo **Đặng Văn D5**, **Bùi Đức L3**, **Phan Tấn N3**, **Trần Thanh P3**, **Trần Thị Hồng V3**, **Nguyễn Hồng L4**, **Đào Thái H9**, **Hà Khánh Đ5**, **Trần Thị H12**, **Trần Thu H13**, **Nguyễn Thị Minh L6**, **Trần Nguyễn Quỳnh C2**, **Trần Minh T16**, **Lê Quốc H8**; trước khi phạm tội lần này đều chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Các bị cáo **Đặng Văn D5**, **Bùi Đức L3**, **Phan Tấn N3**, **Trần Thanh P3**, **Trần Thị Hồng V3** đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo **Nguyễn Hồng L4** được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo **Đào Thái H9**, **Hà Khánh Đ5**, **Trần Thị H12**, **Trần Thu H13**, **Nguyễn Thị Minh L6**, **Trần Nguyễn Quỳnh C2**, **Trần Minh T16**, **Lê Quốc H8** đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên lần phạm tội này chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để các bị cáo cải tạo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt, HĐXX nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo **Bùi Đức L3**, **Đặng Văn D5** và **Phan Tấn N3** có tính chất nguy hiểm hơn các bị cáo khác và cũng là 3 bị cáo có vai trò chính trong vụ án nên các bị cáo này phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc nhất.

Đối với các bị cáo **Đào Thái H9**, **Trần Thanh P3**, **Trần Thị Hồng V3** – là những bị cáo giữ vai trò quản lý chủ chốt trong **Công ty T27**, MBF8 và MBF9 đồng thời là những người trực tiếp nhận chỉ đạo từ các bị cáo **Bùi Đức L3**, **Đặng Văn D5** và **Phan Tấn N3** để chỉ đạo cấp dưới của mình thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo này cũng phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác.

Đối với các bị cáo **Hà Khánh Đ5**, **Trần Thị H12** - là các kế toán trưởng của T99 và T99 Invest – là những người nhận chỉ đạo từ **Đào Thái H9** để trực tiếp và chỉ đạo cấp dưới thực hiện việc tiếp nhận, hạch toán các hoá đơn khống từ T99, **T27** và xuất hoá đơn của T99, T99 Invest cho 03 đại lý của MBF 9 cũng như khách lẻ và đại lý bán lẻ của MBF 8; Đối với **Lê Quốc H8** là người nhận chỉ đạo từ Trần Đức Thành làm đầu mối liên hệ trao đổi giữa M8, M9, T99, T99 Invest và 3 đại lý của M9 cũng như hỗ trợ các bên triển khai thực hiện hợp đồng. Vì vậy, so với các đồng phạm khác còn lại thì hành vi phạm tội của những bị cáo này có tính chất nguy hiểm hơn do vậy cũng phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn.

Mức hình phạt đối với bị cáo **Đặng Văn D5**, **Phan Tấn N3**, **Bùi Đức L3** từ 400.000.000 đồng đến 450.000.000 đồng.

Mức hình phạt đối với các bị cáo **Đào Thái H9**, **Trần Thanh P3**, **Trần Thị Hồng V3** mỗi bị cáo từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Mức hình phạt đối với các bị cáo **Hà Khánh Đ5**, **Trần Thị H12**, **Lê Quốc H8** mỗi bị cáo từ 220.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng

Mức hình phạt đối với các bị cáo **Trần Thu H13**, **Nguyễn Thị Minh L6**, **Nguyễn Hồng L4**, **Trần Nguyễn Quỳnh C2**, **Trần Minh T16** mỗi bị cáo 200.000.000 đồng

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự quy định “3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”.

Tuy nhiên, các bị cáo **Đặng Văn D5**, **Bùi Đức L3**, **Phan Tấn N3**, **Trần Thanh P3**, **Trần Thị Hồng V3**, **Nguyễn Hồng L4**, **Đào Thái H9**, **Hà Khánh Đ5**, **Trần Thị H12**, **Trần Thu H13**, **Nguyễn Thị Minh L6**, **Trần Nguyễn Quỳnh C2**, **Trần Minh T16**, **Lê Quốc H8** đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Các bị cáo phần lớn là người giữ các chức vụ quan trọng trong các công ty T99, MBF8, MBF9 và các công ty khác, có nhiều đóng góp cho hoạt động của các công ty nói riêng và cho xã hội, nền kinh tế nói chung và các công ty có văn bản, tại phiên tòa đều đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo tiếp tục được làm việc, cống hiến góp phần phát triển kinh tế cho ngành, địa phương. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với các bị cáo là phù hợp.

**[4] Đối với 19 trường hợp là cá nhân, tổ chức có liên quan trong vụ án:** Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan an ninh điều tra, Viện kiểm sát nhân dân đã xác minh, làm rõ hành vi của các cá nhân, tổ chức có liên quan.

**(1)** Đối với **Bùi Quang H7**, Sinh năm 1988, HKTT: **Tổ C, phường N, Quận S, Thành phố Đà Nẵng**, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc **Công ty T27** từ tháng 02/2022 đến nay.

**Bùi Quang H7** là cháu họ của **Bùi Đức L3**, được **L3** nhờ đứng tên Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc **Công ty T27**. Là người đại diện pháp luật, **Bùi Quang H7** được **Bùi Đức L3** yêu cầu ký các văn bản, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ủy quyền điều hành **Công ty T27**. Tuy nhiên, **Bùi Quang H7** không trực tiếp tham gia điều hành các hoạt động kinh doanh của **Công ty T27**, không bàn bạc, thảo luận, ký kết và thực hiện hợp đồng giữa **Công ty T27** với các **Công ty D6**. Bản thân **H7** chỉ là thợ điện nước của **V6**, không có chuyên môn về tài chính, kế toán. Do vậy không có điều kiện, kiến thức để nắm bắt hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giữa **Công ty T27** và MBF8, MBF9.

Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định **Bùi Quang H7** đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án về hành vi phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với **Bùi Quang H7**.

**(2)** Đối với **Nguyễn Việt Đ3**, SN 1982, ĐKTT: **Tổ 14, Khu phố F, Phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** - Tổng Giám đốc **Công ty T27** từ tháng 7/2021 đến tháng 01/2022. **Nguyễn Việt Đ3** được **Bùi Đức L3** mời về làm cố vấn cho **Công ty T27** để chuẩn bị các điều kiện phục vụ IPO. Sau đó, **Nguyễn Việt Đ3** được **Bùi Đức L3** trao đổi về việc mở rộng hoạt động kinh doanh của **Công ty T27**, trong đó có việc hợp tác với đối tác Mobifone để tăng doanh thu phục vụ cho mục tiêu IPO. **Nguyễn Việt Đ3** được **Bùi Đức L3** yêu cầu phối hợp với **Đào Thái H9** - Giám đốc tài chính **Tập đoàn V7** xây dựng nội dung hợp đồng đại lý phân phối thẻ cào với MBF 8 và MBF 9 đảm bảo chặt chẽ về thể thức, bảo vệ quyền lợi cho **Công ty T27**; đại diện **Công ty T27** ký các hợp đồng đại lý phân phối thẻ cào với MBF 8

và MBF 9, hợp đồng mua bán thẻ cào với Công ty T28, Công ty T28; ký các hợp đồng với một số công ty theo chỉ đạo của Bùi Đức L3 để đảm bảo điều kiện đại lý theo quy định của M2. Tuy nhiên, toàn bộ việc trao đổi, thỏa thuận về quy trình thanh toán, xuất hóa đơn với các đối tác Mobifone, Bùi Đức L3 giao cho Đào Thái H9 phụ trách trực tiếp, còn Nguyễn Việt Đ3 chỉ phụ trách mảng kinh doanh cầm đồ của Công ty T27 tại phía Nam, trụ sở làm việc tại TP Hồ Chí Minh, do vậy toàn bộ hồ sơ, chứng từ kế toán của công ty được bộ phận Văn phòng chuyển vào cho Đ3 ký cuối cùng để hoàn thiện. Do vậy, Đ3 không có điều kiện nắm bắt bản chất hoạt động hợp tác của Công ty T27 với các đối tác Mobifone. Tại cơ quan điều tra, Đ3 thành khẩn khai báo về hành vi của bản thân, Đ3 trình bày sau khi ký các chứng từ liên quan đến tiếp nhận 01 hóa đơn GTGT của MBF 9 với doanh số 125.760.000.000đ (một trăm hai mươi lăm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng), với kiến thức về tài chính, kế toán được đào tạo và kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp, Đ3 mặc dù không biết bản chất hoạt động, nhưng nhận thấy có nhiều rủi ro về công tác tài chính, kế toán, có thể vi phạm pháp luật. Vì vậy, Đ3 đã chủ động xin nghỉ việc tại Công ty T27. Căn cứ kết quả điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra xác định chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Nguyễn Việt Đ3.

(3) Đối với Nguyễn Văn C3, Sinh năm 1985, HKTT: Số E, ngõ A, đường H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội - Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty T27 từ tháng 4/2022 đến tháng 10/2022.

Tháng 12/2020, Nguyễn Văn C3 được bổ nhiệm làm Giám đốc kinh doanh Công ty T27, sau đó được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty T27. Đến tháng 4/2022, C3 được Bùi Quang H7 - Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền điều hành hoạt động của Công ty T27. Tuy nhiên, thực tế C3 chỉ được Bùi Đức L3 thông báo là Công ty T27 đang có hợp đồng phân phối thẻ cào với các đối tác Mobifone, nhưng L3 đã giao cho Đào Thái H9 trực tiếp phụ trách, chỉ đạo bộ phận kế toán vận hành, yêu cầu C3 ký các chứng từ do bộ phận kế toán trình lên theo chức năng, nhiệm vụ; C3 chỉ phụ trách mảng cho vay cầm đồ của Công ty T27. Do đó, thông qua bộ phận Văn phòng của công ty T30 lên, C3 đã ký hoàn thiện các đơn hàng, giấy giới thiệu nhận hàng gửi cho các công ty D6 để thực hiện hợp đồng, nhưng không được trao đổi, bàn bạc gì với nhóm nhân sự vận hành của Công ty T27 và các đối tác Mobifone.

Từ tháng 7/2022 đến tháng 8/2023, trong thời gian Nguyễn Văn C3 giữ chức Phó Tổng Giám đốc thường trực, Công ty T27 đã tiếp nhận, hạch toán tổng số 359 hóa đơn GTGT không có hàng hóa của MBF 8 và MBF 9, với tổng doanh số

là **245.069.059.205đ** (hai trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm sáu mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn hai trăm linh năm đồng) (Trong đó, gồm: **116** hóa đơn, doanh số **122.722.982.405đ** của **M4**; **243** hóa đơn, doanh số **122.346.076.800đ** của MBF 9). Công ty T27 xuất cho khách lẻ, pháp nhân là đại lý của MBF 8: **15** hóa đơn, với doanh số **64.164.998.400đ**; Công ty T28: **19** hóa đơn, với doanh số **37.244.890.790đ**; Công ty T28: **19** hóa đơn, với doanh số **38.542.711.680đ**; Công ty H25: **18** hóa đơn, với doanh số **25.411.703.780đ**.

Hành vi của **Nguyễn Văn C3** có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong việc mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi, **C3** không đủ thông tin, điều kiện để biết bản chất hoạt động kinh tế giữa Công ty T27 và các đối tác Mobifone. Quá trình điều tra, **Nguyễn Văn C3** thành khẩn khai báo hành vi của bản thân và những người liên quan. Mặt khác, bản thân **C3** không được hưởng lợi ích gì khi thực hiện công việc trên. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với **Nguyễn Văn C3**.

(4) Đối với **Nguyễn Minh T14**, SN 1976, ĐKTT: **Số A đường T, phường D, quận H, thành phố Hồ Chí Minh** - Quyền Tổng giám đốc Công ty T27 từ tháng 8/2022 đến tháng 8/2023.

Tháng 8/2022, **Nguyễn Minh T14** được bổ nhiệm quyền Tổng giám đốc và được ủy quyền điều hành hoạt động của Công ty T27. Tuy nhiên, thực tế **T14** chỉ được **Bùi Đức L3** thông báo là Công ty T27 đang có hợp đồng phân phối thẻ cào với các đối tác Mobifone, nhưng **L3** đã giao cho **Đào Thái H9** trực tiếp phụ trách, chỉ đạo bộ phận kế toán vận hành, yêu cầu **T14** ký các chứng từ do bộ phận kế toán trình lên theo chức năng, nhiệm vụ; **T14** chỉ có nhiệm vụ theo dõi và phụ trách mảng cho vay cầm đồ của Công ty T27. Do đó, thông qua bộ phận Văn phòng của công ty T30 lên, **T14** đã ký hoàn thiện các đơn hàng, giấy giới thiệu nhận hàng gửi cho các công ty D6 để thực hiện hợp đồng, nhưng không được trao đổi, bàn bạc gì với nhóm nhân sự vận hành của Công ty T27 và các đối tác Mobifone. Ngoài ra, tháng 12/2022, theo yêu cầu của **Đào Thái H9**, **T14** đại diện Công ty T27 ký phụ lục gia hạn hợp đồng với MBF8 và MBF9.

Từ tháng 9/2022 đến tháng 7/2023, trong thời gian **Nguyễn Minh T14** giữ chức Quyền tổng giám đốc, Công ty T27 đã tiếp nhận, hạch toán tổng số **1.189** hóa đơn GTGT không có hàng hóa của MBF 8 và MBF 9, với tổng doanh số **599.921.463.819đ** (năm trăm chín mươi chín tỷ chín trăm hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm mười chín đồng) (Trong đó, gồm: **357** hóa đơn, với doanh số **290.000.841.756đ** của MBF8; **832** hóa đơn, với doanh số

**309.911.622.063đ** của MBF9). Công ty T27 xuất cho khách lẻ và pháp nhân là đại lý của MBF8: **369** hóa đơn, với doanh số **350.058.500.269đ**; Công ty T28: **92** hóa đơn, với doanh số **105.800.037.390đ**; Công ty T28 **94** hóa đơn, với doanh số **104.267.601.129đ**; Công ty H25: **96** hóa đơn, với doanh số là **121.445.320.880đ**.

Hành vi của Nguyễn Minh T14 có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong việc mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi, T14 không được trao đổi, bàn bạc và không có đủ thông tin, điều kiện để biết được bản chất hoạt động hợp tác của Công ty T27 và các đối tác Mobifone. Quá trình điều tra, Nguyễn Minh T14 thành khẩn khai báo hành vi của bản thân và những người liên quan. Mặt khác, bản thân T14 không được hưởng lợi ích khi thực hiện công việc trên. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Nguyễn Minh T14.

(5) Đối với Trần Nhật H11, SN 1981, ĐKTT: **Số D, đường B, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh** - Phó trưởng phòng tài chính kế toán - Công ty T27 từ tháng 6/2021 đến tháng 3/2022.

Khi bắt đầu làm việc tại Công ty T27, Trần Nhật H11 được giao làm Phó phòng Tài chính - Kế toán phụ trách tài chính Công ty T27 (trưởng phòng là H). Nhiệm vụ chính của H11 là giúp Ban Giám đốc kiện toàn quy trình doanh nghiệp theo quy định của Bộ T31, nhằm công khai minh bạch các khoản thu, chi theo yêu cầu của một công ty niêm yết. Ngoài ra, H11 được Đào Thái H9 yêu cầu hỗ trợ việc xuất hóa đơn GTGT cho Công ty T28, Công ty T28. Khi giao việc, H11 chỉ được Đào Thái H9 cung cấp **01** hóa đơn GTGT **125.760.000.000đ** của MBF9 xuất cho Công ty T27, kèm theo 02 hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty T27 với công ty T28, Công ty T28 để làm căn cứ xuất hóa đơn. Căn cứ đơn đặt hàng do Công ty T28, Công ty T28 gửi cho Công ty T27 qua email và xác nhận số tiền thanh toán tương ứng chuyển khoản đến tài khoản của Công ty T27, H11 xuất hóa đơn GTGT của Công ty T27 cho Công ty T28, Công ty T28. Tổng cộng H11 đã thực hiện xuất **18** hóa đơn GTGT cho Công ty T28, với doanh số **38.400.000.000đ**, **19** hóa đơn GTGT cho Công ty T28 với doanh số **87.360.000.000đ**. Quá trình xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty T28, Công ty T28, H11 không được trao đổi cụ thể hoặc không tham vào quy trình bán hàng, giao nhận hàng giữa Công ty T27 với công ty T28, Công ty T28, do đó không biết được hoạt động thanh toán, xuất hóa đơn GTGT không có hàng hóa của các đối tác M2 và Công ty T27, cũng như Công ty T27 và Công ty T28, Công ty T28. Tuy nhiên, bằng kiến thức và kinh nghiệm của bản thân, H11 nhận thấy hoạt động kinh doanh thẻ của Công ty T27 có dấu hiệu rủi ro về thuế, có thể dẫn đến vi phạm pháp luật, nên khoảng giữa tháng 01/2022, H11 đã chủ động xin nghỉ việc

tại Công ty T27, nhưng do ràng buộc về hợp đồng lao động, nên đến tháng 3/2022, H11 mới được Công ty T27 giải quyết cho nghỉ việc.

Hành vi của Trần Nhật H11 có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong quá trình mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi, H11 không được trao đổi, bàn bạc và không có đủ thông tin, điều kiện để biết được bản chất hoạt động hợp tác của Công ty T27 và các đối tác. Quá trình điều tra, Trần Nhật Hoàn thành k khai báo hành vi của bản thân và người liên quan. Mặt khác, Trần Nhật H11 không được hưởng lợi ích gì từ việc làm trên. Do vậy chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Trần Nhật H11.

(6) Đối với Trần Thị T13, SN 1973, ĐKTT: Số A, phố B, Phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội - Giám đốc tài chính Công ty T99 từ tháng 03/2022 đến tháng 6/2023.

Trần Thị T13 là người được Đào Thái H9 đề nghị hỗ trợ để hoàn thiện nội dung văn bản các phụ lục hợp đồng giữa Công ty T27 với 03 đại lý là Công ty T28, Công ty T28, Công ty H25, nhằm đảm bảo chặt chẽ về kỹ thuật, pháp lý cũng như bảo vệ quyền lợi của Công ty T27. Đồng thời, với vai trò là Giám đốc tài chính, Trần Thị T13 được nhận báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chung của công ty, trong đó có kết quả thực hiện hợp đồng với các đối tác Mobifone, từ đó Trần Thị T13 phân tích số liệu tài chính để báo cáo Bùi Đức L3 về kết quả chiến lược kinh doanh của Công ty T27. Tuy nhiên, T13 không được bàn bạc, thảo luận và không biết được bản chất hợp tác của Công ty T27 và các đối tác Mobifone là mua bán hàng hóa không có thật. Công việc của T13 là căn cứ trên số liệu kế toán do các bộ phận kế toán, kinh doanh của Công ty T27 báo cáo, để tổng hợp và phân tích số liệu. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định Trần Thị T13 đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với Trần Thị T13.

(7) Đối với Bùi Thu H14, SN 1992. ĐKTT: Số B, ngõ A, đường H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội - Nhân viên Ban V7 từ tháng 05/2021 đến tháng 04/2023.

Bùi Thu H14 được Đào Thái H9 chỉ đạo hỗ trợ Phòng tài chính - kế toán Công ty T27 trong việc làm đầu mối nhận đơn hàng, tách đơn hàng từ M, sau đó phối hợp với Trần Thu H13 tách và chuyển thành đơn hàng của Công ty T27 để gửi lại cho M2. Tuy nhiên, H14 làm theo chỉ đạo của Đào Thái H9 là hỗ trợ Trần Thu H15 mà không được trao đổi, bàn bạc về mục đích thực hiện hợp đồng, do vậy H14 không có thông tin để biết các đơn hàng này thực tế không có hàng hóa kèm theo. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định Bùi Thu H14 đồng phạm với các Bị

cáo trong vụ án. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với **Bùi Thu H14**.

(8) Đối với **Hoàng Thị Mai H16**, SN 1990, ĐKTT: **Số D D, Tổ B, phường Y, quận C** thành phố Hà Nội - Kế toán trưởng từ 21/3/2022 đến ngày 23/4/2022; **Nguyễn Thị Ngọc H17**, SN 1985, ĐKTT:C3, **Tập thể N, phường N, quận C** thành phố Hà Nội - Kế toán trưởng từ tháng 6/2022 đến 25/7/2022 và **Phạm Ngọc Quỳnh H18**, SN 1983, ĐKTT:17/54/76 A, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội - Kế toán trưởng từ tháng 7/2023 đến nay.

Các trường hợp trên không trực tiếp tham gia vào việc tiếp nhận, hạch toán, xuất hóa đơn liên quan đến thực hiện hợp đồng với **M2**. Công việc chủ yếu là hạch toán, xuất hóa đơn liên quan đến mảng cho vay cầm đồ của **Công ty T27**. Do đó, chưa có căn cứ để xác định **Hoàng Mai H16, Nguyễn Thị Ngọc H17** và **Phạm Ngọc Quỳnh H18** đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với các trường hợp trên.

(9) Đối với **Nguyễn Châu T15**, SN 1979, ĐKTT: **Phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh** - Trưởng phòng hành chính nhân sự **Công ty T27**; **Trần Xuân Á1**, SN 1999, ĐKTT: **Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên** - nhân viên phòng hành chính nhân sự **Công ty T27**:

Các trường hợp trên không trực tiếp tham gia vào việc triển khai thực hiện hợp đồng giữa **Công ty T27** với MBF8, MBF 9. Công việc chủ yếu là tiếp nhận, tập hợp văn bản để trình **Nguyễn Văn C3** và **Nguyễn Minh T14** ký. Không tham gia, không được trao đổi các nội dung hợp tác với đối tác **M2**. Do đó, không có căn cứ để xác định **Nguyễn Châu T15** và **Trần Xuân Á1** đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với các trường hợp trên.

(10) Đối với **Nhóm các đối tượng ký hợp đồng hợp thức hồ sơ năng lực cho Công ty T27 và Công ty T27**

Bao gồm đại người đại diện pháp luật các công ty: **Công ty TNHH Đ7; Công ty Cổ phần C8; Công ty TNHH L10; Công ty cổ phần C9; Công ty Cổ phần X; Công ty TNHH T32; Công ty TNHH K2; Công ty TNHH S2**. Thực tế 7/8 công ty do **Bùi Đức L3** sáng lập, người đại diện pháp luật đều là người thân của **Bùi Đức L3**, 01 công ty là do **Nguyễn Việt Đ3** sáng lập, người đại diện pháp luật là người thân của **Nguyễn Việt Đ3**. Những người đại diện pháp luật của các công ty nêu trên đều được **Bùi Đức L3, Đào Thái H9** và **Nguyễn Việt Đ3** đề nghị ký trên cơ sở hợp đồng đã được chuẩn bị sẵn. Những người này hoàn toàn không biết về gì mục đích ký hợp đồng cũng như việc kinh doanh thẻ cào viễn thông của **Công ty T27**. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định các đối tượng này đồng phạm với các Bị cáo trong vụ án. Do vậy,

không có căn cứ xử lý đối với các đối tượng trên trong vụ án này.

**(11)** Đối với **Trần Nam P4**, SN 1973, ĐKTT: **Số B - D, KP2, H, TP T, TP Hồ Chí Minh** - Phó Giám đốc MBF 8

**Trần Nam P4** nhận chỉ đạo của **Đặng Văn D5** về việc theo dõi, chỉ đạo Phòng KHCN thực hiện thẩm định, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng giữa MBF8 với **Công ty T27**, sau này là **Công ty T27**. Quá trình thực hiện, **P4** 01 lần được **D5** chỉ đạo đi cùng **P3** tới **Ngân hàng V13 - C10** để trao đổi, nắm thông tin từ phía ngân hàng nhằm xác định năng lực tài chính của **Công ty T27**. Sau đó, **P4** giao cho **Trần Thanh P3** chủ động thực hiện việc thẩm định hồ sơ, ký kết, thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc, khó khăn thì báo cáo lại. Quá trình thực hiện, **Trần Thanh P3** báo cáo và xin ý kiến trực tiếp của **Đặng Văn D5**, không báo cáo qua **P4**. Khi thực hiện hợp đồng giữa MBF8 và **Công ty T27**, **Đặng Văn D5** trực tiếp chỉ đạo, điều hành, không giao cho **P4** theo dõi; **P4** không được tham gia nhóm Viber để trao đổi thực hiện hợp đồng giữa MBF8 và **Công ty T27**; sau này khi **Công ty T27** thay thế **Công ty T27**, **P4** cũng không được giao thực hiện các nhiệm vụ liên quan. Bản thân **P4** không được **Đặng Văn D5** trao đổi về phương thức thực hiện hợp đồng giữa MBF8 và **Công ty T27**, **Công ty T27** và không ký hồ sơ, chứng từ liên quan đến hợp đồng giữa MBF 8 và **Công ty T27**, **Công ty T27**. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với **Trần Nam P4**.

**(12)** Đối với **Đỗ Thị Thu H10**, SN 1976, ĐKTT: 106/1 **T, Phường A, Quận G, TP Hồ Chí Minh** - Trưởng Phòng KHCN MBF 8

**Đỗ Thị Thu H10** là người ký Tờ trình của Phòng KHCN đề xuất **Đặng Văn D5** ký duyệt Hợp đồng giữa MBF8 với **Công ty T27** và ký duyệt các đơn đặt hàng, lệnh xuất kho, phiếu đề nghị xuất kho của **91** hoá đơn GTGT, với doanh số **74.474.143.801đ** của MBF8 xuất cho **Công ty T27**, **Công ty T27**. Tuy nhiên, trong suốt quá trình triển khai việc ký hợp đồng, thực hiện hợp đồng giữa MBF 8 với T99, T99 Invest, **H10** không được tham gia bàn bạc, trao đổi nội dung gì liên quan đến nội dung hợp tác. Toàn bộ nội dung liên quan đến **Công ty T27**, **Công ty T27**, **Đặng Văn D5** đều trực tiếp chỉ đạo **Trần Thanh P3** thực hiện và báo cáo **D5**, việc **H10** ký các giấy tờ trên do thời điểm đó **Trần Thanh P3** không có mặt tại công ty, hoặc đã chuyển công tác, do đó **H10** ký với tư cách là lãnh đạo phòng KHCN, trên cơ sở nhân viên tập hợp cùng các hồ sơ khác liên quan đến các hoạt động quản lý của Phòng KHCN. Quá trình thực hiện việc ký giấy tờ, **H10** không được **P3** hoặc **D5** trao đổi cụ thể về nội dung quan hệ kinh tế giữa MBF8 với **Công ty T27**, **Công ty T27**, do đó **H10** không có đủ thông tin và điều kiện để biết việc công ty MBF8 xuất

hóa đơn GTGT không có hàng hóa cho Công ty T27, Công ty T27. Bản thân H10 không được hưởng bất kỳ lợi ích gì từ thực hiện nhiệm vụ này. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Đỗ Thị Thu H10.

(13) Đối với Hoàng Thị T17, SN 1990, ĐKTT: Khu phố B, Phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai- Nhân viên Kế toán theo dõi bán hàng Phòng KHCN MBF 8

Từ tháng 3/2023 đến tháng 8/2023, Thu nhận chỉ đạo của Đỗ Thị Thu H10 - Trưởng Phòng KHCN MBF 8 về việc thay thế Nguyễn Thị Minh L6 (nghỉ việc) thực hiện hợp đồng với Công ty T27. Hàng ngày, T17 chỉ tập hợp đơn hàng của MBF các tỉnh, sau đó tổng hợp, gửi lên nhóm V5. Sau khi thấy tài khoản của MBF8 báo đã nhận tiền thanh toán của Công ty T27, T17 sẽ nhắn tin lên nhóm báo cho MBF các tỉnh xuất hàng. Căn cứ theo nội dung hợp đồng, việc xuất hoá đơn GTGT sẽ do MBF8 hoặc chi nhánh các tỉnh thực hiện. Theo nhu cầu bán hàng thực tế, với những đơn hàng MBF tỉnh không xuất hoá đơn, T17 dùng tài khoản được cấp quyền trên hệ thống bán hàng tập trung của MBF8 thao tác xuất hóa đơn GTGT cho Công ty T27 (hóa đơn GTGT này sau đó được chuyển cho Công ty T27). Tổng cộng T17 đã thực hiện xuất 47 hoá đơn GTGT của MBF8 cho Công ty T27 với doanh số 26.931.988.612đ.

Làm việc với cơ quan điều tra, T17 khai được nhận bàn giao công việc từ Nguyễn Thị Minh L6. Khi bàn giao công việc, Lòng không giải thích cụ thể nguyên nhân, lý do mà chỉ hướng dẫn thực hiện, công việc của T17 nằm trong quy trình do phòng KHCN thực hiện từ trước, theo nhiệm vụ được phân công T17 tiếp tục thực hiện. Do đó, T17 không biết bản chất việc hợp tác giữa MBF 8 và Công ty T27. Bản thân T17 không được ai trao đổi, bàn bạc, thỏa thuận và không được hưởng lợi ích gì từ việc này. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Hoàng Thị T17.

(14) Đối với Lê Văn V4, SN 1990. ĐKTT: 91/14 khu phố D, Phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai - Chuyên viên Phòng KHCN Công ty MBF 8

Lê Văn Vương nhận chỉ đạo của Trần Thanh P3 về việc thẩm định hồ sơ năng lực của Công ty T27, sau này là CôngT99 Invest. Quá trình thẩm định hồ sơ, V4 căn cứ vào hồ sơ do Công ty T27, Công ty T27 gửi, trên cơ sở đó đối chiếu với quy định tại Quyết định 18/QĐ-MOBIFONE-KD ngày 07/01/2016 của Tổng Công ty V8 quy định về Quy trình tuyển chọn, điều hành, quản lý kênh gián tiếp. Trong quá trình thực hiện thẩm định, soạn thảo hợp đồng, V4 nhận chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Trần Thanh P3 và báo cáo kết quả thực hiện cho P3, căn cứ hồ sơ đánh giá Công ty T27 đủ điều kiện trở thành Đại lý theo Quyết định 18/QĐ-MOBIFONE-KD. Sau đó, V4 soạn thảo hợp đồng theo mẫu, soạn thảo Tờ trình để

**Đỗ Thị Thu H10** ký trình **Đặng Văn D5** - Giám đốc MBF8. Giai đoạn thực hiện hợp đồng, **V4** không được giao nhiệm vụ, không tham gia vào thảo luận xây dựng quy trình bán hàng, xuất hoá đơn. Theo chỉ đạo của **P3**, **V4** căn cứ vào số liệu của **trung tâm T33** để tập hợp và soạn thảo các quyết định chiết khấu lần 2 gửi cho các đơn vị liên quan. Bản thân **Lê Văn V4** chỉ thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo và phân công nhiệm vụ chuyên môn; không biết việc **Công ty T27**, **Công ty T27 ứng tiền** cho MBF8 và quy trình thực hiện hợp đồng giữa MBF8, MBF các tỉnh với **Công ty T27**, **Công ty T27**. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với **Lê Văn V4**.

(15) Đối với **Lê Văn K**, SN 1977, ĐKTT: **phường H, Quận N, TP . Cần Thơ** - Phó Giám đốc MBF 9 và **Đặng Quốc T18**, SN 1978, ĐKTT: **khu vực A, Phường H, Quận C, TP . Cần Thơ** - Trưởng Phòng KHCN Công ty MBF 9

Là những người ký tờ trình đề xuất ký hợp đồng đại lý với **Công ty T27**, **Công ty T27** trên cơ sở thẩm định và đề xuất của cấp dưới, không trực tiếp tham gia vào quy trình giao nhận hàng, bán hàng và không được trao đổi, bàn bạc với các đối tượng trong vụ án; tài liệu điều tra chưa có cơ sở xác định **K** và **T18** biết về thỏa thuận **ứng tiền**, không bàn giao hàng hóa giữa MBF 9 và **Công ty T27**, **Công ty T27**. Do vậy, chưa có căn cứ xử lý hình sự đối với **Lê Văn K** và **Đặng Quốc T18**.

(16) Đối với các nhân viên khác của Phòng KHCN MBF 9, gồm: **Đỗ Thị Kiều O**, SN 1987, ĐKTT: **52E Hẻm 3, M, Phường X, Quận N, TP Cần Thơ**; **Ông Thị Trúc Q1**, SN 2000, ĐKTT: **Ngon Thạnh Q2, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng**; **Võ Văn Song T20**, SN 1984, ĐKTT: **Khu V, Phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang**

Các nhân viên trên đều có thời gian phối hợp cùng **Nguyễn Hồng L4** theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng KHCN, tham gia vào việc trao đổi, cung cấp thông tin, tiếp nhận đơn hàng giữa **C4 tyT99**, **Công ty T27** và các **Công ty T28**, **Công ty T28** và **Công ty H25**. Tuy nhiên, do họ không được tham gia bàn bạc, thảo luận từ đầu cùng đối tác, mặt khác họ chỉ tham gia thay thế thời gian ngắn khi **L4** không có mặt ở Công ty hoặc tham gia một số khâu công việc nhất định. Tài liệu điều tra chưa có cơ sở xác định các nhân viên này biết về việc **Công ty T27**, **Công ty T27 ứng tiền** cho MBF 9, không nhận hàng hóa. Do vậy chưa có căn cứ xử lý hình sự đối với các trường hợp trên.

(17) Đối với Nhân viên Tổ bán hàng, Tổ Kế toán, nhân viên giao nhận hàng MBF các tỉnh và các nhân viên kế toán, bán hàng tại **Công ty T28**, **Công ty T28**:

Những người này về mặt khách quan đều có hành vi có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong vụ án khi tham gia vào việc giao nhận hàng, xuất hóa đơn

GTGTcho Công ty T27, T27. Tuy nhiên, quá trình điều tra đến nay xác định các đối tượng chỉ thực hiện đúng phần công việc được phân công, cụ thể: Các nhân viên bán hàng, giao nhận hàng chỉ căn cứ vào lệnh xuất hàng để nhận hàng từ kho, bàn giao cho các khách hàng, điểm bán lẻ trên địa bàn, không biết hoặc tham gia gì vào việc xuất hóa đơn bán hàng. Các nhân viên kế toán chỉ căn cứ vào hợp đồng đã ký với Công ty T27, C4 tyT99 I và các giao dịch chuyển tiền để thực hiện việc xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty T27, C4 tyT99 Invest, không biết hoặc tham gia gì vào việc giao nhận hàng. Các trường hợp này không trao đổi, thỏa thuận, bàn bạc với các đầu mối đối tác, do đó về nhận thức thì họ không biết hoặc không có điều kiện để biết các hóa đơn GTGT xuất cho Công ty T27, C4 tyT99 Invest là hóa đơn không có hàng hóa. Do vậy chưa có căn cứ xử lý hình sự đối với các trường hợp trên.

**(18) Đối với Giám đốc MBF các tỉnh và các đối tượng được thuê làm người đại diện pháp luật Công ty T28, Công ty T28:**

Các trường hợp này về mặt khách quan đều có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong vụ án khi ký xác nhận trên đơn đặt hàng, lệnh xuất hàng của Công ty T27, T27 (đối với Giám đốc MBF các tỉnh), ký hợp đồng với Công ty T27, C4 tyT99 I (đối với Giám đốc của Công ty T28, Công ty T28). Tuy nhiên, quá trình điều tra đến nay xác định đây là những người có vai trò thứ yếu, là cấp dưới, người làm thuê, được trả lương và làm theo sự chỉ đạo, phân công từ cấp trên, không có động cơ vụ lợi cá nhân. Trong quá trình thực hiện hành vi, họ không được tham gia bàn bạc, thỏa thuận hoặc trao đổi các nội dung liên quan đến tội phạm mà chỉ tiếp nhận ý chỉ chỉ đạo và thực hiện các công việc theo sự phân công của cấp trên. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, họ đều có thái độ ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo hành vi của bản thân và những người liên quan góp phần làm sáng tỏ vụ án. Hành vi của những người này tuy có dấu hiệu giúp sức cho các Bị cáo trong vụ án, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các đối tượng này gây ra không đáng kể, không gây thiệt hại về kinh tế cho MobiFone.

Mặt khác, hoạt động mua bán trái phép hoá đơn của MBF 8, MBF 9 chưa gây thiệt hại cho Nhà nước, những trường hợp này tại MBF các tỉnh đều là nhân sự chủ chốt, nhiều kinh nghiệm chuyên môn, đang giữ vai trò rất quan trọng trong việc điều hành hoạt động của hệ thống MBF 8, MBF 9 nói riêng và Tổng Công ty M4 nói chung. Do vậy, nếu xử lý hình sự nhóm các đối tượng này, sẽ tác động rất xấu đến hoạt động kinh doanh của MBF cũng như gây ảnh hưởng không nhỏ đến hệ thống của MBF, đang là một trong những đơn vị viễn thông hàng đầu trực

thuộc Ủy ban quản lý vốn nhà nước, có ảnh hưởng rất lớn đến công tác đảm bảo An ninh quốc gia trên lĩnh vực thông tin.

Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, nhằm đảm bảo nguyên tắc phân hóa đối tượng trong quá trình xử lý vụ án, khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đảm bảo các yêu cầu bảo vệ An ninh quốc gia và giữ gìn TTATXH, Cơ quan An ninh điều tra - **Công an tỉnh P không đề nghị xem xét xử lý hình sự** đối với các trường hợp này, mà có văn bản kiến nghị cơ quan quản lý có thẩm quyền xử lý theo quy định là phù hợp.

**(19) Đối với Trần Đức T12 - Phó chủ tịch Tập đoàn A5:**

Với vai trò PCT Tập đoàn A5, T12 có mối quan hệ quen biết với Đặng Văn D5 và Phan Tấn N3 thông qua mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa Công ty V9 với MobiFone. Đồng thời, T12 cũng có mối quan hệ quen biết cá nhân với Bùi Đức L3 thông qua việc chơi golf và được các bạn bè khác giới thiệu. Quá trình trao đổi với L3, T12 được L3 giới thiệu đang sở hữu công ty T27, có văn phòng kinh doanh trải rộng khắp cả nước. L3 đã nói với T12 mong muốn xây dựng Công ty T99 thành tập đoàn M5 và muốn chuyển hướng sang lĩnh vực kinh doanh viễn thông, thông qua việc tận dụng các văn phòng sẵn có của T99 để kinh doanh thẻ. L3 biết T12 đang điều hành Tập đoàn A5 có mối quan hệ với các nhà mạng lớn nên nhờ T12 giới thiệu cho L3 kết nối với các nhà mạng này. Vì vậy, khi biết được Công ty D6 8, MobiFone 9 đang có nhu cầu tìm kiếm đại lý mới, T12 đã giới thiệu, kết nối để Công ty T27 ký hợp đồng với MBF8, MBF9. Bản thân T12 không trực tiếp trao đổi hoặc tham gia vào việc ký kết, thực hiện hợp đồng giữa MBF8, MBF9 với T99, T99 Invest mà giao cho H8 làm đầu mối hỗ trợ trao đổi thông tin giữa 2 bên vì H24 đã có mối quan hệ và kinh nghiệm làm việc với MobiFone từ trước với tư cách là kế toán trưởng của công ty V9. Toàn bộ nội dung trao đổi thỏa thuận cụ thể giữa T99 và MBF 8, MBF9 sau đó đều do Bùi Đức L3 trực tiếp trao đổi với Đặng Văn D5, hoặc do Lê Quốc H8 trao đổi với các nhân viên của MBF 8, MBF9, T99, T99 Invest. Quá trình trao đổi, các nội dung công việc với phía MBF và T99, H8 không báo cáo cụ thể về quy trình giao nhận hàng và xuất hóa đơn giữa Công ty D6, D6 và Công ty T27, T99 Invest với T12 do nghĩ công việc giữa 2 công ty này không liên quan đến công ty V9 và giữa các bên cũng không phát sinh mâu thuẫn khó giải quyết. Do đó, T12 không biết việc Công ty M4, MBF 9 xuất hóa đơn khống cho T99, T99 Invest.

Đối với khoản phí 5,5%, đây là khoản tiền T12 và N3 đã thỏa thuận từ đầu là tiền hỗ trợ cho Công ty V9 chi phí lãi vay ngân hàng để có tiền mua hàng cho

MobiFone 9, nhưng sau đó Công ty V9 không mua hàng mà thay vào đó là Công ty T27 nên sau khi nhận được tiền từ đại lý của D6 thông qua Lê Quốc H8, T12 đã chuyển trả cho Bùi Đức L3.

Đối với khoản tiền 0,2%, khi Bùi Đức L3 liên hệ với Trần Đức T12 để nhờ T12 trao đổi với phía MobiFone về việc Công ty T27 muốn tiếp tục thực hiện hồng đồng đại lý theo hình thức gửi đơn hàng và thanh toán theo từng ngày. T12 đã nói với L3 việc này có thể sẽ gặp khó khăn do phát sinh nhiều công việc, nhiều nhân sự tham gia hỗ trợ. Nên T12 và L3 đã cùng trao đổi, thống nhất công ty T27 sẽ hỗ trợ khoản phí 0,2% giá trị mỗi đơn hàng cho các nhân viên tham gia hỗ trợ đơn hàng cho T99. T12 nghĩ tiền hỗ trợ này bao gồm cả phần hỗ trợ cho Lê Quốc H8 là nhân viên của ASIM, được T12 giao làm đầu mối hỗ trợ cho T25. Vì vậy, số tiền nhận từ công ty T27, T12 đã chuyển 0,1 % cho MBF8 thông qua Đặng Văn D5 và trao đổi với MBF9 thông qua Phan Tấn N3 (N3 không nhận số tiền này), đồng thời T12 giữ lại 0,1% để hỗ trợ thêm cho các nhân viên khi cần thiết. Đến nay, T12 đã tự nguyện nộp lại số tiền này cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra đến nay, chưa có căn cứ khẳng định Trần Đức T12 biết hoặc tham gia vào việc xuất hóa đơn khống giữa MobiFone 8, MobiFone 9 với Công ty T27, T99 Invest. Do đó, chưa có căn cứ để xử lý hình sự đối với Trần Đức T12 là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét thấy, hành vi của các cá nhân, tổ chức có liên quan nói trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các trường hợp này là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành khám xét và thu giữ tài liệu, đồ vật tại Công ty T27, Công ty T27, gồm:

+ 06 case máy tính gồm: Nhãn hiệu DELL, số sever 2SS3X63, express service 6093829803; nhãn hiệu HP, số 4CE04223QD; nhãn hiệu Lenovo, số S/N PC1MY1EA; nhãn hiệu Lenovo, số S/N PC1MY47F; nhãn hiệu HP, 4CE04123G2; nhãn hiệu HP, số 4CE04123F6. 345 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô - xe máy, hồ sơ đề nghị cầm cố xe mô tô; 43 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; 02 hợp đồng vay tiền giữa Công ty Cổ phần T27 với ông Nguyễn Kháng C7; 02 hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng cổ phần giữa Công ty Cổ phần T27 và ông Nguyễn Việt A3; 11 hợp đồng ủy quyền giữa ông Vũ Tuấn H22 và Phạm Thu T23 cho Đào Thái H9 kèm theo 11 hợp đồng mua, bán căn hộ chung cư; 01 bộ hồ sơ liên quan đến căn hộ D (đã

thanh lý) giữa ông **Đào Thái H9** và **Công ty cổ phần Q4**; **295** tờ tài liệu là chứng từ kế toán, biên bản đối chiếu, thông báo thuế....; **01** bộ hồ sơ chuyển nhượng phần góp vốn giữa **Nguyễn Ngọc P5** và **Trần Hà T24** và các tài liệu là hóa đơn, chứng từ, hóa đơn chuyển phát nhanh, sao kê tài khoản ngân hàng, tổng hợp xuất nhập tồn.

+ Đối với **Trần Thị T13** là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án: **01** máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell - P156G, số: ST4M6P7S3, màu ghi bạc, đã sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng, số seri GXQXQ1KGHR (Thu giữ của **Trần Thị T13** theo Biên bản khám xét ngày 09/8/2023). Chiếc máy tính xách tay là của **Công ty Cổ phần D7** giao cho **T13** quản lý và sử dụng; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của **T13**.

- Đối với Bị cáo **Bùi Đức L3**: **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, đã qua sử dụng, số seri H6GQN76FTH; **01** thẻ **Ngân hàng V12**, **01** thẻ VISA của **Ngân hàng M6** đều mang tên **Bùi Đức L3** (thu giữ của **Bùi Đức L3** theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản ngày 09/8/2023).

- Đối với Bị cáo **Đào Thái H9**: **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imei 355354081684096, số máy MN4M2B/A, số seri FCCT55GHHFY7 kèm theo sim số 0906612156; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus, màu xanh dương, đã sử dụng, số máy MQ523VN/A, số seri GVVQ25T9RP (Thu giữ của **Đào Thái H9** theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 09/8/2023).

- Đối với Bị cáo **Hà Khánh D5**: **01** điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 FE số seri RF8T303RANN, màu đen đã qua sử dụng kèm theo sim số thuê bao 0383096836 (Thu giữ của **Hà Khánh D5** theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 09/8/2023).

- Quá trình khám xét tại **MBF B**, thu giữ đồ vật, tài liệu gồm: Tạm giữ **01** case máy tính nhãn hiệu Dell (OPTIPLEX 7010) có số seri: 1JML4Y1 đã qua sử dụng; **02** sổ tay cá nhân (giao cho **Bảo Ý D4** - là nhân viên hỗ trợ bán hàng quản lý và sử dụng).

- Đối với Bị cáo **Đặng Văn D5**: Tạm giữ số tiền: 435.000.000 VNĐ (*bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng*), hiện đang tạm giữ trong tài khoản tạm giữ của **Công an tỉnh P**.

- Đối với **Trần Đức T12** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Tạm giữ số tiền: 1.704.439.000 VNĐ (*một tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng*), hiện đang tạm giữ trong tài khoản tạm giữ của **Công an**

tỉnh P.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã xác định một số đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên ngày 06/10/2023 và ngày 15/4/2023 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật bằng hình thức:

**Trả lại cho Công ty cổ phần T27 các tài liệu, đồ vật gồm:**

- **345** giấy đăng ký mô tô - xe máy, hồ sơ đề nghị cầm cố; **43** giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; **02** hợp đồng vay tiền giữ Công ty Cổ phần T27 với ông Nguyễn Kháng C7; **02** hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng cổ phần giữa Công ty Cổ phần T27 và ông Nguyễn Việt A3; **11** hợp đồng ủy quyền giữa ông Vũ Tuấn H22 và Phạm Thu T23 cho Đào Thái H9 kèm theo **11** hợp đồng mua, bán căn hộ chung cư; **01** bộ hồ sơ liên quan đến căn hộ D (đã thanh lý) giữa ông Đào Thái H9 và Công ty cổ phần Q4; **01** bộ hồ sơ chuyển nhượng phần góp vốn giữa Nguyễn Ngọc P5 và Trần Hà T24; các hồ sơ, tài liệu là các hợp đồng truyền thông, hợp đồng quảng bá thương hiệu, chứng từ liên quan đến hoạt động cho vay, cầm đồ của Công ty T27.

- **03** case máy tính nhãn hiệu DELL, số sever 2SS3X63, express service 6093829803; nhãn hiệu HP, số 4CE04223QD; nhãn hiệu Lenovo, số S/N PC1MY1EA.

**Trả lại cho Bị cáo Bùi Đức L3:**

- **01** thẻ ATM mở tại Ngân hàng V12, **01** thẻ visa mở tại Ngân hàng M6, đều mang tên Bùi Đức L3.

Việc Cơ quan An ninh điều tra đã xác định một số đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật cho trả cho Công ty T27 và bị cáo Bùi Đức L3 là phù hợp.

**Các vật chứng còn lại gồm:**

- **03** case máy tính nhãn hiệu Lenovo, số S/N PC1MY47F; nhãn hiệu HP, 4CE04123G2; nhãn hiệu HP, số 4CE04123F6;

- **01** máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell - P156G, số: ST4M6P7S3, màu ghi bạc, đã sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng, số seri GXQXQ1KGHR Thu giữ của Trần Thị T13.

- **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, đã qua sử dụng, số seri H6GQN76FTH Thu giữ của Bùi Đức L3.

- **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Iimei 355354081684096, số máy MN4M2B/A, số seri FCCT55GHHFY7 kèm

theo sim số 0906612156; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus, màu xanh dương, đã sử dụng, số máy MQ523VN/A, số seri GVVQ25T9RP Thu giữ của **Đào Thái H9**.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 FE số seri RF8T303RANN, màu đen đã qua sử dụng kèm theo sim số thuê bao 0383096836 Thu giữ của **Hà Khánh Đ5**.

- 01 case máy tính nhãn hiệu Dell (OPTIPLEX 7010) có số seri: 1JML4Y1 đã qua sử dụng; 02 sổ tay cá nhân Thu giữ của **Bảo Ý D4**.

- Tạm giữ của **Đặng Văn D5** số tiền: 435.000.000 VNĐ (*bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

- Tạm giữ của **Trần Đức T12** số tiền: 1.704.439.000 VNĐ (*một tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

Đối với số tiền tạm giữ của **Đặng Văn D5** và **Trần Đức T12**, trong đó, số tiền 374.072.015 đồng do **Đặng Văn D5** nộp tại cơ quan điều tra là số tiền **Trần Đức T12** chuyển cho **Đặng Văn D5** kinh phí do T99 hỗ trợ cho MBF8 trong việc bán hàng; số tiền 1.704.439.000 đồng do **Trần Đức T12** nộp tại cơ quan điều tra là kinh phí do T99 hỗ trợ cho MBF9 trong việc bán hàng nhưng **Trần Đức T12** chưa chuyển cho **Phan Tấn N3**. Do số tiền trên là khoản thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus, màu xanh dương, đã sử dụng, số máy MQ523VN/A, số seri GVVQ25T9RP Thu giữ của **Đào Thái H9**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 FE số seri RF8T303RANN, màu đen đã qua sử dụng kèm theo sim số thuê bao 0383096836 Thu giữ của **Hà Khánh Đ5**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, đã qua sử dụng, số seri H6GQN76FTH thu giữ của **Bùi Đức L3** là phương tiện các bị cáo dùng vào việc liên lạc để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 case máy tính nhãn hiệu Dell (OPTIPLEX 7010) có số seri: 1JML4Y1 đã qua sử dụng; 02 sổ tay cá nhân thu giữ của **Bảo Ý D4**. Theo lời khai của bị cáo **Trần Thanh P3**, chiếc case máy tính nhãn hiệu Dell (OPTIPLEX 7010) có số seri: 1JML4Y1 đã qua sử dụng là của **Công ty M4** có lưu trữ các tài liệu là hợp đồng, hóa đơn mua bán với **công ty T27** và các công ty đại lý, là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với 02 sổ tay cá nhân thu giữ của **Bảo Ý D4**, đây là tài sản cá nhân của **Bảo Ý D4** không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo khác trong vụ án, tuy nhiên, **Bảo Ý D4** đã có đơn

đề nghị không nhận lại. Xét thấy tài sản trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell - P156G, số: ST4M6P7S3, màu ghi bạc, đã sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng, số seri GXQXQ1KGHR Thu giữ của **Trần Thị T13**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imei 355354081684096, số máy MN4M2B/A, số seri FCCT55GHHFY7 kèm theo sim số 0906612156 của **Đào Thái H9**; 03 case máy tính nhãn hiệu Lenovo, số S/N PC1MY47F; nhãn hiệu HP, 4CE04123G2; nhãn hiệu HP, số 4CE04123F6 của **công ty T27**; là tài sản của các cá nhân, tổ chức không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với số tiền 60.927.985 đồng do bị cáo **Đặng Văn D5** nộp thừa tại Cơ quan điều tra, số tiền này là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Các bị cáo **Đặng Văn D5**, **Bùi Đức L3**, **Phan Tấn N3**, **Trần Thanh P3**, **Trần Thị Hồng V3**, **Nguyễn Hồng L4**, **Đào Thái H9**, **Hà Khánh Đ5**, **Trần Thị H12**, **Trần Thu H13**, **Nguyễn Thị Minh L6**, **Trần Nguyễn Quỳnh C2**, **Trần Minh T16**, **Lê Quốc H8** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Đề nghị của luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

*Vì các lý do trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với **Đặng Văn D5** và **Phan Tấn N3**.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với **Bùi Đức L3**, **Trần Thanh P3**, **Trần Thị Hồng V3**.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với **Nguyễn Hồng L4**.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với **Đào Thái H9**, **Hà Khánh Đ5**, **Trần Thị H12**, **Trần Thu H13**, **Nguyễn Thị Minh L6**, **Trần Nguyễn Quỳnh C2**, **Trần Minh T16**, **Lê Quốc H8**.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**[1]** Tuyên bố các bị cáo: **Đặng Văn D5, Bùi Đức L3, Phan Tấn N3, Trần Thanh P3, Trần Thị Hồng V3, Nguyễn Hồng L4, Đào Thái H9, Hà Khánh Đ5, Trần Thị H12, Trần Thu H13, Nguyễn Thị Minh L6, Trần Nguyễn Quỳnh C2, Trần Minh T16, Lê Quốc H8** đều phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

**[2]** Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Xử phạt các bị cáo **Đặng Văn D5, Phan Tấn N3, Bùi Đức L3**, mỗi bị cáo 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Xử phạt các bị cáo **Đào Thái H9, Trần Thanh P3, Trần Thị Hồng V3**, mỗi bị cáo 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Xử phạt các bị cáo **Hà Khánh Đ5, Trần Thị H12, Lê Quốc H8** mỗi bị cáo 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Xử phạt các bị cáo **Trần Thu H13, Nguyễn Thị Minh L6, Trần Nguyễn Quỳnh C2, Trần Minh T16, Nguyễn Hồng L4**, mỗi bị cáo 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Các bị cáo phải nộp số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

\* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo **Đặng Văn D5, Bùi Đức L3, Phan Tấn N3, Trần Thanh P3, Trần Thị Hồng V3, Nguyễn Hồng L4, Đào Thái H9, Hà Khánh Đ5, Trần Thị H12, Trần Thu H13, Nguyễn Thị Minh L6, Trần Nguyễn Quỳnh C2, Trần Minh T16, Lê Quốc H8**.

**[3]** Về Xử lý vật chứng:

*Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:*

- Số tiền 2.078.511.015 đồng (Hai tỷ không trăm bảy mươi tám triệu năm trăm mười một nghìn không trăm mười lăm đồng) đã tạm giữ của **Trần Đức T12** và **Đặng Văn D5**. (được **Công an tỉnh P** chuyển tới tài khoản số 3949.0.1054969.00000 của Cục thi hành án tỉnh Phú Thọ mở tại **Kho bạc Nhà nước tỉnh P** theo ủy nhiệm chi ngày 17/6/2024).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, máy bị xước sát nhẹ, không kiểm tra chất lượng bên trong số seri

H6GQN76FTH (Thu giữ của **Bùi Đức L3** theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản ngày 09/8/2023).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus, màu xanh dương, đã cũ, đã sử dụng, máy bị xước sát nhẹ, không kiểm tra chất lượng bên trong, số máy MQ523VN/A, số seri GUYQ25T9RP (Thu giữ của **Đào Thái H9** theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 09/8/2023).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 FE số seri RF8T303RANN, màu đen đã qua sử dụng (Thu giữ của **Hà Khánh Đ5** theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 09/8/2023).

- 01 case máy tính nhãn hiệu Dell (OPTIPLEX 7010) có số seri: 1JML4Y1, đã qua sử dụng (thu giữ của **Bảo Ý Duyên** theo Biên bản khám xét ngày 09/8/2023)

*Tịch thu tiêu hủy:*

- 02 sổ tay cá nhân Thu giữ của **Bảo Ý D4**.

- Sim số thuê bao 0383.096.836 thu giữ của **Hà Khánh Đ5**.

*Trả lại cho:*

- Bị cáo **Đặng Văn D5** số tiền 60.927.985 đồng (Sáu mươi triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo **Đào Thái H9**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imei 355354081684096, số máy MN4M2B/A, số seri FCCT55GHHFY7 kèm theo sim số 0906612156.

- **Công ty T27**: 03 case máy tính nhãn hiệu Lenovo, số S/N PC1MY47F; nhãn hiệu HP, 4CE04123G2; nhãn hiệu HP, số 4CE04123F6.

- Chị **Trần Thị T13**: 01 máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell - P156G, số: ST4M6P7S3, màu ghi bạc, đã sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng, số seri GXQXQ1KGHR.

*(Các vật chứng trên theo biên bản giao, nhận vật chứng do cơ quan cảnh sát điều tra **công an tỉnh P** và cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ lập ngày 11/6/2024).*

**[4] Về án phí:** Buộc các bị cáo **Đặng Văn D5**, **Bùi Đức L3**, **Phan Tấn N3**, **Trần Thanh P3**, **Trần Thị Hồng V3**, **Nguyễn Hồng L4**, **Đào Thái H9**, **Hà Khánh Đ5**, **Trần Thị H12**, **Trần Thu H13**, **Nguyễn Thị Minh L6**, **Trần Nguyễn Quỳnh C2**, **Trần Minh T16**, **Lê Quốc H8** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**[5] Quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- PC 01; PC 06- Công an tỉnh Phú Thọ;
- CQ THAHS, dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND nơi b/c cư trú;
- UBKT (nơi các b/c sinh hoạt Đảng);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hà Giang**